

*Phần hai*

## LỄ HỘI DÂN GIAN

PHAN TẮT LIÊM

### HỘI GIÓNG

Hội Gióng, còn được gọi là Hội trận Gióng, là một nghi thức thờ cúng anh hùng dân tộc, đồng thời là một tổng diễn xướng dưới hình thức nghi lễ và nghệ thuật tượng trưng cho trận đánh giặc Ân của anh hùng Gióng. Hội Gióng trước đây tổ chức hằng năm là một trong những hội lớn nhất, nhiều ý nghĩa nhất và diễn rạ nhiều ngày nhất. Hội Gióng còn là một bước phát triển phong phú của anh hùng ca dân tộc, là một sáng tạo văn hóa đầu thế kỷ XI của nhà Lý. Từ hội của làng xã thành hội của một vùng rồi trở thành hội của cả nước được người bao đời nay hưởng ứng:

*Mồng bảy hội Kham, mồng tám hội Dâu  
Mồng chín đâu đâu trở về hội Gióng*

Hội Gióng làm sống lại hình tượng vô cùng rực rỡ của người anh hùng Gióng, người anh hùng tập thể của bộ

lạc được nâng lên thành người anh hùng dân tộc; nó nuôi dưỡng lòng tự hào về quá khứ của dân tộc và lòng tin vào tương lai, tiền đồ của dân tộc; nó động viên cộng đồng người Việt Nam chúng ta sống và đứng vững trong cuộc chiến đấu với thiên nhiên, với kẻ thù xâm lược để tồn tại và phát triển.

*Ai ơi mong chín tháng tư  
Không đi hội Gióng cũng hư mất đời.*

Đi trải hội là một khát vọng, một mong ước dù đời người được một lần của nhân dân khắp nơi trong nước.

Để thấy hết nội dung phong phú, nghi lễ tôn nghiêm, nghệ thuật diễn xướng anh hùng ca độc đáo và quy mô rộng lớn của hội Gióng, chúng ta hãy bắt đầu từ việc tìm hiểu sự tích và thần tích còn lưu lại trong sử sách và trí nhớ của nhân dân.

Trong thần tích có ghi nhiều chi tiết rõ ràng như sau: “Dưới đời Hùng Vương thứ sáu, nước Văn Lang thực là thái hòa, thịnh trị. Nhà vua bỏ tục cống lễ nhà Ân bên Tàu. Thấy vậy, Ân chúa kiếm có tuần du phương nam để mưu đồ xâm chiếm nước Nam.

Vua Hùng lo ngại, họp triều đình bàn kế phá giặc, giữ nước.

Một đại thần tâu: “- Xin nhà vua cầu khẩn Long thần, thần sẽ chỉ bảo”.

Vua nghe lời tâu, lập đàn tràng cúng lễ ba ngày liền. Chợt giông bão nổi lên với mưa gió sấm sét. Tại ngã tư kinh thành hiện ra một ông già mình cao chín thước, đầu râu tóc

bạc, nhảy nhót múa hát. Nhà vua triệu ông già tới đàn tràng dâng rượu thịt, ông già từ chối.

Hỏi tới quốc sự, ông già đáp: “- Ba năm nữa, giặc sẽ từ phương Bắc lại. Muốn diệt giặc nhà vua phải tìm người tài trong nước và hứa ban thưởng trọng hậu, sẽ có thần nhân xuất hiện dẹp giặc”.

Nói xong ông già biến mất.

Ba năm sau, giặc Ân do Thạch Linh, thái tử nước Ân, đem quân xâm chiếm nước Văn Lang. Đại tướng nước Văn Lang là Lý Công Dật xuất quân cự địch, nhưng trước thế giặc mạnh, quân ta bị thua và Lý tướng quân tự sát chết.

Nhà vua chợt nhớ tới lời Long thần, sai sứ đi rao khắp trong nước để tìm người tài giỏi ra giúp nước.

Bấy giờ tại làng Phù Đổng<sup>1</sup> có một lão trượng tuổi đã 60, cách đây 3 năm, bà vợ có sinh ra một đứa con trai trong trường hợp rất kỳ lạ.

“Nguyên sau một đêm mưa gió, bà lão ra vườn hái rau, thấy một vết chân to lớn đã dẫm lên đám rau của bà. Vô tình bà đứng đè lên vết chân đó để hái những cây rau bị gãy về ăn. Từ đó, bà thụ thai, rồi sinh một con trai. Đứa con trai này, cho đến năm lên ba tuổi vẫn nằm ngửa, không biết nói, cười!”.

Khi nghe sứ giả nhà vua đi rao qua, bà mẹ nhìn con nói đùa: “Nhà vua đang cần tướng tài đánh giặc mà con nay mới lên ba, chưa biết cười, biết nói, bao giờ khôn lớn mà giúp nước phò vua?”.

---

1. Phù Đổng nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Đứa bé bỗng bật ra lời nói, bảo mẹ mời sứ giả nhà vua tới.

Bà mẹ lấy làm ngạc nhiên, vừa mừng vừa lo, nhưng cũng ra thuật chuyện cho sứ giả hay. Sứ giả theo bà vào. Đứa bé bảo sứ giả về tâu vua đánh cho một con ngựa sắt và một chiếc roi sắt.

Sứ giả về triều tâu vua. Nhà vua mừng lắm, cho đó là ứng lời Long thần dạy trước, liền sai đánh ngựa sắt, roi sắt.

Trong khi đó thì ở làng Phù Đổng, đứa bé lớn phổng lên, ăn uống tốn kém rất nhiều cơm thịt.

Sứ giả mang ngựa và roi sắt tới. Đứa bé bảo mẹ thổi cho một nồi ba mươi com, vươn vai đứng lên, ăn hết nồi com, cầm roi nhảy lên ngựa sắt, nhằm thẳng phía giặc đóng phi ngựa tới. Lúc đó, giặc đang đóng ở núi Trâu (Quế Võ).

Trước khi lên ngựa, cậu bé nói:

“Ta là Thiết lũng Thiên thần, giáng trần đi dẹp giặc”.

Thiết lũng Thiên thần phi ngựa sắt hét ra lửa, tới núi Trâu phá tan quân giặc, giết được tướng giặc là Thạch Linh và các tướng khác, còn lại 28 tướng giặc phải xin hàng.

Trong lúc ra quân, ngựa sắt luôn luôn hét ra lửa để đốt giặc. Di tích những ngọn lửa còn ở làng Cháy (tức làng Phù Chẩn, cách làng Phù Đổng mấy km). Những giống tre mọc ở mấy tỉnh Bắc Ninh, Phúc Yên với những nốt trắng đen như vệt cháy, đó là giống tre “đăng ngà” rất đẹp và bền. Giặc đông quá, chết nhiều, chiếc roi sắt gãy, ngài phải nhổ tre làm vũ khí đánh giặc.

Giặc tan, ngài trở về qua làng Xuân Tảo (làng Cáo) Từ Liêm, lội xuống tắm ở hồ Tây, sau đó lại lên ngựa đi tới Sóc Sơn thì biến mất.

Nhớ ơn ngài, vua Hùng lập đền thờ tại làng Phù Đổng, (tức làng Gióng) và sắc phong ngài là Phù Đổng Thiên Vương. Dân chúng gọi ngài là đức Thánh Gióng. Hằng năm, dân chúng hàng tổng mở hội diễn lại sự tích đánh giặc Ân.

\*  
\*   \*  
\*

### **Tổ chức và khung cảnh diễn ra hội trận:**

Xã Phù Đổng xưa gọi là tổng Phù Đổng gồm 4 làng: Phù Đổng, Phù Dực, Đổng Viên và Đổng Xuyên. Bốn làng cùng nhau tổ chức hội. Hai làng trên được thay nhau làm hội trưởng, hai làng dưới chỉ được đóng vai phụ trong ngày hội vì ngày xưa có lối đã đuổi mẹ Gióng ra khỏi làng khi bà có mang Gióng.

Cơ sở để phân công tổ chức hội không phải là làng mà là giáp. Giáp là đơn vị dân cư nhỏ hơn nằm trong làng. Tổng Phù Đổng có 15 giáp: Phù Đổng 6 giáp, Phù Dực 4 giáp, Đổng Viên 3 giáp, Đổng Xuyên 2 giáp.

Mười giáp của làng Phù Đổng và Phù Dực luân phiên làm giáp hội trưởng, còn gọi là giáp kéo hội.

Giáp hội trưởng có trách nhiệm chính tổ chức hội, có sự tham gia một phần của các giáp khác.

Giáp hội trưởng cử ra:

- Một hiệu cờ.
- Một hiệu trống.
- Một hiệu chiêng.
- Một hiệu trung quân.

- Hai hiệu tiểu cổ: do hai làng Đổng Viên và Đổng Xuyên cử. Hai làng này còn cử ra đội quân thám sát và vận lương gồm 30 người, có người chỉ huy.

Những *ông hiệu* đóng vai tướng của Thánh Gióng, được che 2 lọng, riêng hiệu cờ được che 4 lọng vì là tượng trưng cho uy lực của Gióng. Các ông hiệu được chọn trong số trai chưa vợ của giáp, cũng có thể cử người có vợ nhưng không quá 26 tuổi.

Đó là bộ chỉ huy của trận đánh.

Còn quân lính của Gióng thì có 120 quân *phù giá*, gồm quân chính quy, gọi là *phù giá ngoại*, được tuyển lựa trong cả 4 làng gồm những trai tráng từ 18 đến 36 tuổi, chia làm 8 đạo, mỗi đạo 15 người và một người điều khiển gọi là *xướng suất*. Ngoài ra có quân *phù giá nội* gồm 12 người chọn trong làng Phù Đổng.

Phù giá, mình để trần, đóng khố bao đen thắt ngang bụng, bên sườn trái đeo một chiếc túi vải cũng màu đen, hình lưỡi liềm có thêu hoa, dây đeo túi màu hoa cà vắt qua vai phải. Trên mình trần, phủ một khăn quàng qua ngực chéo lên vai trái xuống sườn bên phải và thắt lại ở hông. Đầu đội mũ vải hoa thêu kim tuyến và đính mặt gương tròn nhỏ, đằng sau có miếng vải rủ xuống gáy. Mỗi người phù

giá đều cầm trong tay một chiếc quạt giấy, chiếc quạt này không phải dùng để quạt mà là một dụng cụ để biểu diễn các động tác quân sự theo khẩu lệnh khi kéo hội.

Tham gia hội còn có *phường hát múa Ái Lao*, còn gọi là *phường Tùng choặc*. Phường này gồm 20 người trai trẻ do làng Hội Xá (bên hữu ngạn sông Đuống) <sup>(1)</sup> cử ra để tế thần và giúp vui cho hội. Xưa kia Hội Xá trích 27 mẫu ruộng công để cấp cho phường này thu hoa lợi làm kinh phí chi tiêu. Phường gồm có:

- 1 ông trùm.
- 1 người đánh trống khẩu.
- 1 người đánh mèn.
- 1 người cầm cung nỏ (tượng trưng cho người đi săn)
- 1 người cầm cần câu (tượng trưng cho người câu cá).
- 2 người cầm cờ lau (cờ lau là 2 chiếc gậy dài có buộc chùm tua giấy ngũ sắc ở trên đầu tựa như bông lau).
- 1 người hóa trang thành con hổ.
- 12 người còn lại cầm sênh và hát.

(Phường Tùng choặc với thành phần như trên nhắc lại truyền thuyết khi Gióng đi đánh giặc thì ở nơi xuất phát có đám trẻ chăn trâu làng Hội Xá đang chơi cờ lau liền theo Gióng đi đánh giặc, có cả người đang câu cá, người đi săn thấy thế cũng đi theo luôn).

---

(1) Làng Hội Xá trước kia ở bên tả ngạn sông Đuống, gần làng Phù Dực, sau bị lụt lở phải sang ở bên hữu ngạn.

Từ 15 tháng 3 âm lịch phường Tùng choặc đã bắt đầu tập múa hát tại làng mình cho đến mồng 6 tháng 4 âm lịch thì sang ở hẳn tại chùa Kiến Sơ gần đền Thượng để tham gia kéo hội và múa hát phục vụ đến hết 13 tháng 4 âm lịch mới trở về Hội Xá. Trong ngày hội họ mặc áo the thâm, chít khăn đen, thắt lưng xanh bỏ múi bên trái. Phường có 2 điệu múa truyền thống: múa cúng thần và múa vây bắt hổ, và 12 bài hát truyền thống nói lên sự tôn kính đối với Thánh Gióng và mẹ Gióng, ca ngợi chiến công của quân dân ta và một số bài phục vụ các điệu múa.

Dưới đây là một bài tiêu biểu:

*Trèo lên cây gạo cao cao  
Bước xuống hội Gióng vui sao vui vậy  
Giáo gươm cờ xí trùng trùng  
Hàng năm mở hội tung bùng vui thay  
Nhớ xưa Thánh Gióng tích rày  
Uy phong rạng rỡ đến nay còn truyền.*

\*

\* \*

*Giáo gươm cờ quạt tung bùng  
Nhác trông uy vũ tướng chùng năm xưa  
Anh hùng trí dũng có thừa  
Sử vàng bia đá bây giờ là đây  
Non xanh nước biếc sánh tà  
Danh thơm Phù Đổng xưa nay tiếng truyền.*

---

1. Phong tặng sau khi Thánh Gióng đã bay lên trời.



\*

\* \*

*Lịch triều có sắc truy phong <sup>1</sup>*  
*Tiếng tăm lòng lẫy khắp trong nước nhà*  
*Trước nơi đình vũ nguy nga*  
*Muôn dân kính chúc hương hoa kính thành*  
*Đời đời nổi tiếng anh linh*  
*Tý dân hộ quốc uy danh rõ ràng <sup>1</sup>*  
*Cúi đầu lạy đức Thiên Vương*  
*Nghìn thu sông Nguyệt non Thường ghi công <sup>2</sup>*

\*

\* \*

Công việc chuẩn bị cho hội được tiến hành trước một tháng vì việc rất nhiều và đều đòi hỏi chất lượng rất cao.

Ngày mồng 1 tháng 3 âm lịch, hội đồng hàng tổng họp để dự lễ dâng trầu lên Thánh Gióng ở đền Thượng do giáp hội trưởng tổ chức và nhận sổ *hội lệ*, là quyển sổ ghi cách thức tiến hành hội theo quy định từ xưa.

Ngày mồng 2 tháng 3 âm lịch, hội đồng hàng giáp họp để phổ biến công việc và phân công.

Từ mồng 6 tháng 3 âm lịch trở đi, các ông hiệu phải thực hiện tục trai giới. Riêng hiệu cờ phải ở riêng trong một gian nhà ở đền, ăn ngủ một mình, có người phục vụ. Trai giới là để tỏ sự tôn kính đối với Thánh Gióng, một biểu

---

1. *Tý dân hộ quốc*: Giúp dân bảo vệ nước.

2. *Sông Nguyệt tức Nguyệt Đức Giang (tên cũ của sông Cầu). Non Thường tức Nguyệt Thường Sơn (tên núi Chè).*

hiện của tín ngưỡng, thực chất là bảo đảm cho các ông hiệu có đủ sức khỏe hoàn thành được nhiệm vụ. Trong thời gian luyện tập và ngày hội, các ông hiệu được phục vụ chu đáo cũng nhằm mục đích ấy.

Ngày 15 tháng 3 âm lịch, giáp hội trưởng rước bình hương lên đền để các tướng (tức các ông hiệu) làm lễ trình diện và kính cẩn nhận cờ, trống, chiêng về nhà để tập thao diễn. Các hiệu trung quân và tiểu cổ với động tác đánh trống khẩu không khó khăn mấy, nhưng cũng phải tập những động tác lễ thánh rất độc đáo; nhanh mạnh, hùng dũng (như một bài thể dục đòi hỏi có sức khỏe, và khéo léo) để đến ngày hội phối hợp nhịp nhàng với các ông hiệu khác.

Lá cờ để tập là lá cờ của năm trước được bảo quản ở trong đền. Đến ngày hội, giáp trưởng sắm lá cờ mới. Cờ bằng lụa nhuộm màu đỏ vàng, 0.35m, dài 7 vuông (7 lần 0m35 là 2m45). Vào một ngày lành đầu tháng 4 âm lịch, người ta chọn một người có khoa cử hoặc có văn tự và viết chữ đẹp, mời đến đền viết chữ lệnh (chữ Hán) lên lá cờ, vì thế gọi là *cờ lệnh*. Viết xong tra cán, buộc tua, cuộn lại và lồng vào bao đỏ hình chữ nhật thêu rồng phượng rất đẹp, cuối bao có dải tua thêu. Trong bao cờ nhét đầy giấy trắng cắt hình bướm và những mẫu gỗ trầm nhỏ. Tất cả bao cờ và những thứ đó gọi chung là miễu. Cũng ngày hôm đó có cuộc rước miễu từ đền Thượng đến đền Mẫu (thờ mẹ Gióng).

Ngày 25 tháng 3 âm lịch, giáp kéo hội lên đền Thượng và đền Mẫu quét dọn, lau chùi mọi thứ thật sạch sẽ, sửa sang lại đường sá và các địa điểm kéo hội.

Ngày mồng 2 tháng 4 âm lịch, kiểm tra việc cất cử đội quân *phù giá*.

Ngày mồng 5 tháng tư âm lịch là ngày *tống diễn tập* múa hát, đánh trống, đánh chiêng, hành quân và đánh trận trước cửa đền Thượng. Tuy gọi là tập, nhưng dân làng đã kéo đến dự rất đông để xem xét giáp hội trường đã chuẩn bị như thế nào.

Còn giáp Ân thì được tượng trưng bằng những nữ tướng. Trừ giáp kéo hội ra, các giáp khác được cử mỗi giáp 2 thiếu nữ từ 10 đến 13 tuổi. Tất cả là 28 tướng. Trong số 28 tướng lại chọn hai thống soái gọi là *tướng đốc*, chủ soái và *tướng ngựa*, phó soái do giáp Ban của làng Phù Đổng cử. Các tướng ăn mặc lộng lẫy, đánh phấn thoa son, đội mũ thêu hoa, ngồi trên kiệu, có tàn che và có người nhà phục dịch.

Những ngày chính hội:

Hội tiến hành trong nhiều ngày với các nghi thức kế tiếp nhau để *đến mồng 9 tháng 4 là ngày chính hội* diễn ra cuộc hội trận sôi động nhất. Mở đầu là lễ *rước nước* tiến hành vào chiều ngày mồng 6 tháng 4 (khoảng 15 giờ): Trong đám rước rộn ràng có các tướng và quân tham dự, do phường múa hát Ái Lao dẫn đầu, một đôi “chóe” lớn bằng sứ được chuyển từ đền Thượng đến giếng đền Mẫu. Đôi chóe đặt trên bệ bên bờ giếng, 24 quân phù giá dàn thành hai hàng hai bên bậc tam cấp xuống giếng: Việc lấy nước được tiến hành theo lệnh trống, chiêng và sênh của người xướng suất. Người đứng đầu hàng cạnh giếng cầm gáo đồng mức nước và chuyển dẫn đến người đứng bên chóe. Người này thông thả rót nước vào đôi chóe lọc qua miếng vải đỏ trải trên miệng mỗi chóe 3 gáo. Sau đó, đôi chóe được rước về đền Thượng. Ý nghĩa là lấy nước để rửa khí giới và nước của ông Gióng ban cho sẽ thành mưa tưới cho mùa màng thuận lợi.

Sáng mồng 7 tháng 4 âm lịch, vào cuối giờ tị (khoảng 11 giờ) rước cỗ chay (cơm và cà) từ đền Mẫu đến đền Thượng và tế Thánh Gióng. Chiều hôm ấy, có cuộc *rước khám đường* với ý nghĩa thăm dò đường đến trận địa. Ngày hôm đó, có múa rối nước ở hồ trước đền Thượng (nhân dân ở đây quen gọi là “Ao rối”).

Ngày mồng 8 tháng 4 âm lịch, đại diện các giáp và quan viên hàng tổng đi duyệt những tướng nữ (thường gọi là “kén tướng”), mỗi giáp được chọn một tướng chính là cô nào xinh đẹp vào khéo trang sức, người kém hơn thì là tướng phó. Việc này cũng nổ ra cuộc tranh luận về cái đẹp khá sôi nổi, không phải cứ son phấn lòe loẹt, đồ trang sức đầy người mà được. Vì thế nhà có con đi tướng đều mời người có khiếu thẩm mỹ đến trang điểm giúp.

Ngày mồng 9 tháng 4 là ngày *hội chính*. Buổi sáng có lễ *rước cờ* từ đền Mẫu về đền Thượng; đại lễ đám rước như rước nước chiều mồng 6.

Khi đám rước về đến đền Thượng thì pháo đốt tung bùng.

- Các đội phù giá biểu dương lực lượng và làm lễ Thánh Gióng. Họ biểu diễn thuần thực và đẹp mắt, tỏ ra là một đội quân có kỷ luật và thiện chiến. Từ hàng hai chuyển thành hàng bốn, quay phải, quay trái, tiến lên, lùi xuống đều tấp tểp, lúc đầu chậm rãi, sau thì chạy rầm rập lộn vòng và dừng lại làm lễ trước đền thờ Gióng.

Không phải là lễ lạy thông thường mà là những động tác quân sự cách điệu hóa, giơ chân trái đá sang trái, giơ chân phải đá sang phải rồi đi thụt lùi... Tất cả đều làm theo

sự điều khiển của xương suất bằng tiếng trống khẩu “tông” và tiếng kèn “beng”. Cuối cùng dùng tay phải rút từ lưng ra chiếc quạt giấy, đồng loạt vung qua đầu thành tiếng “soạt”, miệng “dạ” một tiếng thật to vang dậy cả quảng trường. Đội phù giá làm như thế 9 lần rồi dàn thành hai hàng trước đền thờ, cúi đầu xuống và đi lùi ra, miệng “dạ, dạ” tỏ ý tin tưởng và tuân thủ sự chỉ huy của đức Thánh. Cần chú ý tính cách điệu và nghệ thuật hóa tướng và quân. Khi phát cờ (múa cờ) hiệu cờ phải có động tác nhanh mạnh, khéo léo để lá cờ uốn lượn theo ý muốn, dù có gió cũng không để cờ quấn vào cán, có người nói khi múa cờ, lá cờ lượn theo hình chữ lệnh. Cho nên hiệu cờ phải tập phát cờ trong tình huống các chiều gió. Động tác đánh trống, đánh chiêng đều có tính chất múa. Khi nện dùi vào trống, vào chiêng phải uốn nhanh bàn tay ba vòng, sau mỗi lần cất dùi lên cũng phải uốn tay lại như vậy rồi mới nện dùi khác, trong khi đó mắt vẫn nhìn thẳng không nhìn vào trống vào chiêng mà dùi vẫn nện trúng vào giữa mặt trống, vào đúng vú chiêng trăm lần không sai một. Về động tác làm lễ cũng rất đặc biệt, có lúc thì lễ lạy lên gối xuống gối khoan thai bình thường nhưng khi làm lễ xuất, quân thì lễ theo kiểu quân sự, các ông hiệu lần lượt vào lễ, họ bước rất khấn trương, hùng dũng đến trước bàn thờ, hai tay chắp trước ngực, mười ngón tay đan vào nhau, khuỷu tay dang ngang vai, hai bàn tay đưa ra gập vào thoãn thoắt ba lần rồi bằng động tác rất nhanh toàn thân giáng xuống chiếu, hai đầu gối và đùi mở rộng, hai gót chân chụm vào nhau, hai bàn tay gập lại thành một đường thẳng trước ngực, đầu ngẩng cao nhìn lên bàn thờ. Tư thế ấy tạo thành dáng một con hổ nằm phục. Rồi lại đứng dậy làm lại động tác lễ ấy ba lần. Cuối

cùng đứng thẳng, hai bàn tay vẫn đặt trước ngực, cánh tay ngang vai, rồi dang tay trái ra cho một người túc trực mặc chỉnh tề (khăn xếp, áo the, quần trắng) đặt một khăn tay màu hồng vào lòng bàn tay, ngón tay cái giữ lấy cái khăn, cánh tay lại gập lại đặt trước ngực rồi dang tay phải ra, người túc trực bên này lấy dùi trống (hoặc dùi chiêng) đặt vào tay, ông hiệu nắm lấy và chống đầu dùi vào ngực bên phải rồi quay gót đi ra vị trí đặt trống, chiêng ở sân trước cửa đền. Lần lượt các ông hiệu trung quân, tiểu cổ, và cuối cùng là hiệu cờ đều làm như thế rồi về vị trí của mình.

Đến giờ thìn (khoảng 10 giờ) phường Ái Lao diễn trò sân hổ trước đền. Trước khi vào trò vui vây bắt hổ, tất cả 20 người, bắt đầu từ ông hổ, rồi lần lượt đến hai người cầm cờ lau, người cầm cần câu, cung tên, v.v... biểu diễn những động tác múa, hát nhịp nhàng theo nhịp trống, chiêng, đập mắt và điều luyện để làm lễ, xong rồi mới vào trò vây bắt hổ rất vui, ngộ nghĩnh, hồn nhiên, hổ tuy dững mãnh nhưng cuối cùng bị bắt trói. Cuộc vui tỏ ý sức của tập thể mạnh hơn cả mãnh thú.

Trong khi đó thì ở cuối làng Đống Viên, trên bãi Đống Đàm cạnh một hồ sen (tượng trưng cho trận địa địch) 28 tướng nữ của địch đã dàn trận. Họ ngồi trên các kiệu, có lọng che, chung quanh có gia nhân sẵn sóc.

Vào khoảng một giờ chiều, đội quân thám báo chạy về đưa tin quân giặc đã đến đóng ở Đống Đàm.

Ba hồi trống, chiêng nổi lên dồn dập báo hiệu giờ phút nghiêm trọng đã đến. Tất cả quân, tướng chỉnh đốn hàng ngũ chờ lệnh xuất quân.

Phường Ải Lao vừa múa vừa hát bài ca ngợi Gióng:

*Thứ sáu đời vua Hùng Vương  
Ân sai 28 tướng, tướng cường nữ hung.  
Xâm thương, cây thế khoe hùng  
Quân sang đóng chặt một vùng Vũ Ninh  
Trời sai thánh tướng giáng sinh  
Giáng về Phù Đổng ẩn mình ai hay.*

...

Tiếng hát vừa dứt, các tướng (các ông hiệu) đến làm lễ trước bàn thờ Gióng (bằng những động tác cách điệu nói trên) tỏ ý nhận lệnh và tuyên thệ.

Sau đó các tướng trở về vị trí của mình, ba hồi trống, chiêng lại nổi lên đỉnh đặc, tiếp theo là hàng loạt tiếng “dạ” ran của phù giá, đoàn quân nhằm phía Đống Đàm rầm rập tiến bước.

Đi đầu là 24 thiếu niên mặc áo đen áo đỏ (gọi là làng áo đen, làng áo đỏ) cầm roi song sơn đỏ, vừa đi vừa reo “dẹp ra này” để dọn đường. Tiếp đến hai hiệu tiểu cổ, tức tướng tiên phong, áo đỏ quần vàng mũ thêu rồng, cầm trống khẩu bước đi khấn trương dưới lọng đỏ có tua vàng, liền theo là ông hổ và phường Ải Lao vừa đi vừa rung cờ lau theo nhịp trống beng và sênh. Kế tiếp là đoàn của hiệu trống, hiệu chiêng, hiệu trung quân, hiệu cờ. Sau hiệu cờ là *long giá* (tức là ngựa gỗ sơn trắng bóng loáng, được phủ bộ yên cương cách điệu bằng gấm vóc thêu rồng phượng rất đẹp, cổ đeo nhạc đồng kêu xủng xoảng). Long giá đặt trên cỗ xe gỗ 4 bánh, do quân phù giá kéo bằng dây tam cố to bằng cổ tay, vừa đi vừa reo hò từng đợt hùng dũng theo sự chỉ huy của người *xướng suất* đứng sau con ngựa. Cuối

cùng là đoàn mang bát bửu, xiêu đao, chùy đồng, phủ việt uy nghiêm trong tiếng nhạc của dàn bát âm. Cảnh tượng vô cùng hùng dũng náo nhiệt trên mặt đê dài mấy cây số. Qua đền Mẫu, toàn quân dừng lại cúi chào mẹ Gióng.

Chiến trường Đống Đàm là một bãi đất nhỏ nằm giữa hai bờ đê, gần đó có một cái hồ sen, giả định quân địch làm chủ khu vực hồ. Trên khu đất gần hồ đã được sửa lại cho bằng phẳng, người ta trải ba chiếc chiếu, mỗi chiếu ở giữa có một cái bát úp lên tờ giấy trắng. Chiếu tượng trưng đồng bằng, bát tượng trưng núi non, giấy trắng là mây.

Đám rước tới nơi, long giá (ngựa) dừng lại trên đê, còn các tướng thì đến các vị trí đã quy định ở xung quanh ba chiếc chiếu (tức chiến trường), gần đó có bàn thờ Thánh Gióng.

Sau khi đã nhanh chóng ổn định hàng ngũ (tức dàn trận xong) vào khoảng 2 giờ 30 chiều, hiệu trống dống lên ba hồi thật đĩnh đạc, cả khu vực im phăng phắc, trong phút thiêng liêng mọi người tưởng nhớ tới Thánh Gióng. Tiếng trống dứt, hiệu trung quân đến trước cờ lệnh dốt một tràng pháo nổ thật giòn ra lệnh tấn công. Hiệu tiểu cờ đáp lại ba hồi trống con, tỏ ý quân tiên phong đã sẵn sàng.

Hiệu cờ tiến lên đứng ở giữa chiếu một gần bàn thờ. Vị thừa tế đến mở miếu. Hiệu cờ phát thẳng lên, ngọn cờ mở tung ra cùng với hàng trăm bướm giấy trắng và mảnh gỗ trầm bay trước gió. Tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng pháo lại nổi lên ở phía ta, phía bên địch cũng dốt từng quả pháo lớn tỏ ý nghênh chiến. Hiệu cờ giơ thẳng cánh tay



trái ra trước mặt gương lá cờ lệnh lên, mắt nhìn theo ngọn cờ, hất chân trái sang trái, rồi lại chuyển cờ sang tay phải, hất chân phải sang phải, đồng thời dùng chân phải hất cái bát ở giữa chiếu lên, tờ giấy bay tung (ngụ ý sức mạnh của Gióng bạt núi dời mây) đoạn chụm chân đứng thẳng, thoăn thoắt nhảy lên hai lần tại chỗ, miệng hô “hay hay” rồi nhẹ nhàng quỳ gối phải xuống chiếu, gập chân trái thành hình thước thợ, dùng hai cánh tay phất nhanh, phất mạnh *lá cờ từ phải sang trái* uốn đi ba vòng quanh mình, lượn như con rồng và bổ thẳng xuống chiếu. Tất cả mọi người hồi hộp theo dõi. Hiệu cờ múa tiếp như thế ở hai chiếu còn lại, ngụ ý cuộc chiến đấu rất gay go ác liệt. Đến khi đợt múa cờ thứ ba kết thúc, là quân ta đã thắng lợi, các tướng nữ lúc này cũng cho quay kiệu về phía đền Thượng, tỏ ý bị tan rã. Ba đợt phất cờ này, truyền thuyết dân gian gọi là “ba ván thuận”. Trống, chiêng, pháo lại nổi lên cùng với nổi hân hoan của quần chúng.

Sau ba hồi trống, chiêng thu quân, đám rước lại chỉnh đốn hàng ngũ và kéo quân về đền Thượng. Qua đền Mẫu một tràng pháo nổ ran báo tin thắng trận với mẹ Gióng. Về đến đền, hiệu cờ đến cắm cờ trước bàn thờ Gióng, hiệu trống, hiệu chiêng đặt trống, chiêng ở hai bên. Long giá đặt ở chỗ cũ. Mọi cơ ngũ, ai nấy về vị trí nghỉ ngơi của mình. Các ông hiệu thì nghỉ ở dãy nhà đã dành riêng gọi là “nhà hiệu”. Hàng tổng mở tiệc khao quân (quen gọi là cỗ yến).

Nhưng tiệc mới chỉ bắt đầu thì lại có thám mã đưa tin cấp tốc: quân địch phản kích đã tiến đến sát Phù Đổng và bao vây quân ta. Lập tức ba hồi trống chiêng nổi lên, quân ta rời các mâm cỗ, cầm ngay vũ khí và lại rầm rập

tiến ra chiến trường. Tướng đốc và tướng ngựa của giặc đã chiếm đóng vùng đất giữa đền Thượng và đền Mẫu gọi là bãi *Soi bia*. Các tướng và quân của ta tiến thẳng đến đây, mở cuộc chiến đấu quyết liệt.

Trận địa ở Soi bia được bố trí giống như ở Đống Đàm. Sau ba hồi trống lệnh, hiệu cờ lại tiến ra múa ba ván cờ như lần trước, chỉ có khác là lá cờ được phát từ trái sang phải, ngược chiều với lần trước, dân chúng gọi là “ba ván nghịch”. Ván thứ ba kết thúc thì hiệu trống, hiệu chiêng nổi ba hồi trống chiêng vang rền báo tin quân ta thắng trận hoàn toàn. Tướng đốc, tướng ngựa của giặc bị bắt giải về, các tướng nữ của giặc cũng xuống kiệu, đi bộ theo sau. Trước bàn thờ Gióng, tướng đốc, tướng ngựa của địch quỳ lạy bốn lạy và hai vái, vị thừa tế dùng thanh kiếm lấy được của giặc, ngụ ý chém đầu lột da và thu các thứ để đưa vào nội cung trình Gióng.

Quân giặc đã bị đánh bại hoàn toàn, tiệc khao quân được tiếp tục một cách đường hoàng, thoải mái. Xong tiệc thì trời cũng vừa tối. Đêm hôm đó, có đốt pháo hoa, đốt cây bông, diễn tuồng cùng các trò vui khác đến quá nửa đêm mới tan dần.

### **Sau ngày hội chính:**

Ngày mồng 10 tháng 4 âm lịch có lễ *rước văn* để duyệt quân và kiểm tra khí giới và lễ tạ ơn Gióng.

Ngày 11 tháng 4 âm lịch làm lễ *rửa hội*, tức là rước nước về đền để rửa đồ đạc khí giới. Và tiếp tục có các trò chơi, múa hát.

Ngày 12 tháng 4 âm lịch, có *rước cấm cờ*, quân ta đi kiểm soát lại chiến trường từ Đống Đàm đến Soi bia xem

có tên giặc nào sót lại hay không. Soát đến đâu cắm cờ trắng đến đây, ngụ ý quân giặc đã bị quét sạch, hòa bình đã trở lại.

Buổi chiều có cuộc *tế báo thắng trận* với trời đất và *hạ hội*.

Diễn biến của hội Gióng ngày xưa đại để như vậy, ở đây chưa nói hết được những chi tiết, song cũng đã đủ để cho thấy hội Gióng tập trung tất cả những khả năng nghệ thuật của nhân dân thời cổ để diễn tả uy lực của người anh hùng làng Gióng và cuộc chiến đấu thần kỳ của nhân dân ta chống giặc Ân mà chủ đề nổi bật là chiến tranh nhân dân đã tạo nên sức mạnh tổng hợp đè bẹp quân thù dù chúng mạnh đến đâu.

\*

\* \*

Trước thời Lý, hội Gióng không rõ có được tổ chức không và diễn ra như thế nào. Chỉ biết từ khi Lý Công Uẩn, vị vua lập ra nhà Lý, người đã từng tu ở chùa Kiến Sơ tại Phù Đổng, cho lập đền Gióng và phong cho vị thần này là “Xung Thiên thần vương” (thần đứng đầu các vị thần) thì hàng năm hội Gióng được tổ chức đều đặn trong suốt thời phong kiến Việt Nam cho đến thời thuộc Pháp.

Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, khi chiến sự lan tới Đông Dương và trong kháng chiến chống Pháp, hội Gióng không tổ chức.

Sau khi miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, năm 1957 hội Gióng được phục hồi trong vài năm một cách giản

đơn hơn (gọi là hội lệ), nhưng rồi lại ngừng vì không đủ điều kiện vật chất, phương tiện tổ chức hội theo đúng nghi thức thời phong kiến, vả lại trong kháng chiến chống Mỹ, sự leo thang đánh phá bằng máy bay của địch không cho phép tổ chức hội, dù chỉ là hội lệ.

Những năm 80, được sự quan tâm của Nhà nước, việc tu tạo đền Phù Đổng, chùa Kiến Sơ và các công trình phụ cận được tiến hành. Năm 1983, hội Gióng lại được tổ chức tương đối quy mô, tuy không lập lại nguyên si mọi nghi thức cũ nhưng về cơ bản vẫn làm sống lại bản anh hùng ca truyền thống.

Tuy nhiên một vấn đề đặt ra là nên tổ chức hội thế nào cho phù hợp với thời đại ngày nay về cả nội dung và hình thức, vì như trên chúng ta đã biết, hội xưa kéo dài trên một tháng trời từ lúc chuẩn bị cho đến khi kết thúc và rất tốn kém sức của, sức người.

### **Những hội có liên quan với Hội Gióng**

So với sự tích và thần tích về Thánh Gióng nói trên, những câu chuyện truyền miệng dân gian về Thánh Gióng còn phong phú hơn nhiều, gắn chặt với con người, cây cỏ, đất nước và nghi lễ hội hè trên một vùng rộng lớn của đất nước, trung châu từ đuôi Tam Đảo (Sóc Sơn) mở ra như cái quạt giữa ba sông: sông Cầu, sông Hồng, sông Đuống: chiều đông – tây từ Phả Lại đến Phúc Yên; chiều bắc – nam từ Thị Cầu đến bến Bồ Đề, sang làng Xuân Tảo (làng Cáo) cạnh hồ Tây.

Trong phạm vi địa lý Hà Nội, chúng ta thêm những hội làng có liên quan đến Phù Đổng Thiên Vương.

## *Hội Chi Nam*

Hội diễn ra ở đình làng Sen Hồ, thuộc xã Lệ Chi, một xã ở cuối huyện Gia Lâm.

Theo thần tích, đình Sen Hồ thờ Hiến Công, sinh ở trang Liên Đường (tên cũ của làng Sen) giỏi võ, làm quan dưới triều Hùng Vương. Giặc Ân sang xâm lược nước Văn Lang, ông Hiến chỉ huy một đội thủy quân đánh giặc ở Minh Hải, giết được tướng giặc, đập tan quân xâm lược, kéo quân về quê hương làm lễ mừng công. Bỗng “gió mưa đổ tới, trời đất âm u, sấm sét dậy đất”. Lát sau khi trời sáng lại thì ông Hiến đã biến mất.

Dân làng Sen thờ ông ở đình làng và hàng năm mở hội để nhắc lại chiến công của ông. Hội Chi Nam được tổ chức trước hội Gióng một ngày gọi, là hội phù Thánh Gióng.

Ngoài việc tế lễ như mọi hội đều có, buổi sáng sớm, sau hồi trống chiêng, hai đám trai làng khỏe mạnh tiến ra sân đình. Một đám mình trần khố đỏ, bao vàng (ta thấy có sự liên quan với quân phù giá của Thánh Gióng cũng để mình trần đóng khố) gọi là “quân khanh”. Một toán mình trần khố xanh, bao trắng, đó là giặc Ân. Hai toán giao chiến giáp lá cà bằng hình thức vật, đấu gậy. Cuối cùng giặc Ân thua. Cùng lúc đó *ông đám*, người trưởng hội, từ hậu cung ra, đầu đội mâm cỗ sơn son, trên có một quả dứa (tượng trưng cho đầu giặc). Ông trình trọng đặt quả dứa trên một ngọn cây tre trồng giữa sân đình. Trai bao vàng (tức quân ta) đổ xô lại lay cây tre cho tới khi quả dứa rơi xuống, ai cướp được thì được tôn là “tông” và được ngồi ăn cỗ với tiên chỉ trong làng. Còn quả dứa thì đập nát chia cho trai làng mỗi người một mảnh.

Sự tích này bắt nguồn từ việc một chàng trai tên là Châu, cưỡi thuyền sắt, cầm chùy sắt theo ông Hiến đi đánh giặc Ân, mỗi lần vung chùy lên, đầu giặc nát như cám. Chùy gãy, chàng nắm chân giặc khoa lên thành một thứ chùy đánh tiếp. Giặc tan, chàng Châu nhận chìm thuyền, trở về thủy cung.

## HỘI ĐỀN AN DƯƠNG VƯƠNG

Đền thờ An Dương Vương ở xã Cổ Loa, huyện Đông Anh ở trong thành Ốc. Hội đền Cổ Loa, còn gọi là đền Chủ, cử hành hàng năm vào mồng 6 tháng giêng và kéo dài tới gần 10 ngày.

Trong lịch sử Việt Nam, thời Hùng Vương và An Dương Vương được coi cùng thuộc một thời kỳ lịch sử. Đó là thời kỳ dựng nước và giữ nước đầu tiên của dân tộc Việt Nam.

An Dương Vương tên là Thục Phán vốn là một thủ lĩnh của một liên minh bộ lạc người Âu Việt ở phía bắc nước Văn Lang của vua Hùng. Liên minh bộ lạc đó còn gọi là nước Nam Cường gồm 10 bộ lạc hợp thành với địa bàn cư trú là vùng Cao Bằng, nam Quảng Tây. Thục Phán vốn là người thông minh, được các chúa bộ lạc quy phục, do đó “nước” Nam Cường trở nên cường thịnh. Nhân lúc nước Văn Lang suy yếu, Thục Phán đến đánh chiếm, lập ra nước Âu Lạc, tự xưng là An Dương Vương, đóng đô ở Cổ Loa.

Trên đây là tóm tắt sự tích về An Dương Vương, còn trong truyền thuyết về Hùng Vương và An Dương Vương có liên quan đến Cổ Loa có những truyện đáng chú ý như sau:

## **An Dương Vương lập cột đá thề**

Thục An Dương Vương chủ bộ Ai Lao cũng thuộc dòng dõi vua Hùng, hai lần cử binh đánh vua Hùng mong cướp ngôi báu, nhưng đều bị thánh Tản Viên đánh bại. An Dương Vương cho sứ sang tâu với Hùng Vương xin được giảng hòa giao hiếu.

Hùng Duệ Vương (Hùng Vương thứ 18) không có con trai, mới vời Tản Viên truyền ngôi cho. Tản Viên mấy lần từ chối. Hùng Vương cố ép. Tản Viên bèn khuyên Hùng Vương gọi An Dương Vương về trao ngôi báu, tránh sau này nước nhà lại bị loạn lạc, vì An Dương Vương kêu dưng lại cùng trong tông phái họ nhà.

Hùng Duệ Vương ưng thuận, cho mời An Dương Vương về làm lễ nhường ngôi.

An Dương Vương được Hùng Vương truyền ngôi cho, bèn lập cột trên núi Nghĩa mà thề rằng: “Nguyện có trời cao lồng lộng làm chứng xét soi, xin đời đời giữ gìn non sông bền vững và trông nom miếu vũ họ Hùng, sai lời thề sẽ bị trắng vùi gió dập...”

An Dương Vương lại cho lập đền thờ mẹ Tản Viên ở động Lăng Xương và ở núi Tản, để tỏ lòng kính trọng và biết ơn Tản Viên hai lần đánh thắng mình nhưng lại khuyên vua Hùng nhường nước cho <sup>1</sup>.

---

*1. Sự tích lập cột đá thề được ghi trong bản "Ngọc phả Hùng Vương" lưu ở đền Hùng. Hiện nay trên đền Thượng (đền Hùng) có cột đá cổ, nhân dân lưu truyền đó là cột đá thề của Thục Phán lập.*

## Loa Thành và nỏ thần

Sau khi mở rộng bờ cõi đến vùng đất Văn Lang, An Dương Vương đổi tên nước là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê (vùng Cổ Loa) và lo đắp tòa thành thật kiên cố.

Khu đất chọn để đắp thành là một quả đồi đất rắn như đá. Ngày nọ sang ngày kia, đông đảo nhân dân ra sức đào đất đắp thành theo lời hiệu triệu của nhà vua. Khi tòa thành xây cao tới mức đã định, An Dương Vương và tướng tá đến xem, rất lấy làm vừa lòng. Nhưng rồi chỉ qua một đêm, cả bức tường thành quanh co đồ sộ đã bị sập xuống như đất bầy.

An Dương Vương lại động viên nhân dân đắp lại thành. Nhưng khi thành cao như cũ thì sau một đêm lại sụp đổ tan tành. An Dương Vương lo buồn. Sau được thổ thần hiện lên mách bảo, An Dương Vương đón được sứ giả của vua Thủy Tề là thần Kim Quy (rùa vàng) đến giúp xây thành. Thần Kim Quy, hiện thành người và bảo cho nhà vua biết thành bị phá đổ trong một đêm là do những ma quỷ, cô hồn gây ra. Bọn này là các vua thời trước cùng bọn nhạc công chết đi và đều chôn ở núi Thất Diệu gần đó, lâu ngày chưa tan. Chúng có thù với nhà vua và đã xúi giục được con gà trống trắng tu luyện lâu ngày thành tinh dùng phép tà phá thành. Thần Kim Quy bày kế trừ được yêu quái, nhờ thế An Dương Vương xây được thành như ý muốn. Thành rộng tới ngàn trượng, vừa dày vừa cao, xoay tròn như hình ốc, gọi là Loa Thành còn gọi là thành Ốc.

Sau khi giúp An Dương Vương xây xong thành, thần Kim Quy trở lại biển cả. Trước khi từ biệt, thần rút một chiếc móng của mình trao cho nhà vua và dặn: “Nhà vua



## Loa Thành và nỏ thần

Sau khi mở rộng bờ cõi đến vùng đất Văn Lang, An Dương Vương đổi tên nước là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê (vùng Cổ Loa) và lo đắp tòa thành thật kiên cố.

Khu đất chọn để đắp thành là một quả đồi đất rắn như đá. Ngày nọ sang ngày kia, đông đảo nhân dân ra sức đào đất đắp thành theo lời hiệu triệu của nhà vua. Khi tòa thành xây cao tới mức đã định, An Dương Vương và tướng tá đến xem, rất lấy làm vừa lòng. Nhưng rồi chỉ qua một đêm, cả bức tường thành quanh co đồ sộ đã bị sập xuống như đất bằng.

An Dương Vương lại động viên nhân dân đắp lại thành. Nhưng khi thành cao như cũ thì sau một đêm lại sụp đổ tan tành. An Dương Vương lo buồn. Sau được thổ thần hiện lên mách bảo, An Dương Vương đón được sứ giả của vua Thủy Tề là thần Kim Quy (rùa vàng) đến giúp xây thành. Thần Kim Quy, hiện thành người và bảo cho nhà vua biết thành bị phá đổ trong một đêm là do những ma quỷ, cô hồn gây ra. Bọn này là các vua thời trước cùng bọn nhạc công chết đi và đều chôn ở núi Thất Diệu gần đó, lâu ngày chưa tan. Chúng có thù với nhà vua và đã xúi giục được con gà trống trắng tu luyện lâu ngày thành tinh dùng phép tà phá thành. Thần Kim Quy bày kế trừ được yêu quái, nhờ thế An Dương Vương xây được thành như ý muốn. Thành rộng tới ngàn trượng, vừa dày vừa cao, xoay tròn như hình ốc, gọi là Loa Thành còn gọi là thành Ốc.

Sau khi giúp An Dương Vương xây xong thành, thần Kim Quy trở lại biển cả. Trước khi từ biệt, thần rút một chiếc móng của mình trao cho nhà vua và dặn: “Nhà vua

giữ lấy móng này để làm lẫy nỏ, khi có giặc đem nỏ ra bắn, một phát có thể giết hàng nghìn tên”.

\*

\* \*

Sau khi được chiếc móng của thần Kim Quy, An Dương Vương bèn giao cho một tướng tài của mình là Cao Lỗ để làm nỏ, Cao Lỗ đem hết tâm sức, miệt mài làm được chiếc nỏ rất lớn mà móng chân rùa thần là cái lẫy, cứng, chắc khác hẳn nỏ thường, bắn một phát chết nhiều người. Vua An Dương Vương quý chiếc nỏ vô cùng, lúc nào cũng treo gần chỗ mình nằm.

Khi đó, Triệu Đà phát binh sang xâm chiếm Âu Lạc, nhưng mấy lần đều bị đánh bại vì An Dương Vương có nỏ thần. Đà biết thế khó thắng bằng quân sự, liền nghĩ mưu viết thư sang cầu hòa và cầu hôn cho Trọng Thủy là con trai mình lấy My Châu là con gái An Dương Vương. Các gia tướng, cận thần hiểu lòng dạ của Triệu Đà đều can ngăn, nhưng An Dương Vương không nghe, vẫn nhận sự cầu hòa của Triệu Đà và cho Trọng Thủy sang ở rể.

Mấy năm ở bên nước Âu Lạc, Trọng Thủy đã lợi dụng lòng tin của An Dương Vương, giả vờ đi du ngoạn để xem xét mọi ngõ ngách trong thành và mua chuộc lấy lòng các tướng sĩ. Nguy hiểm hơn, gã đã lợi dụng sự chân thật của My Châu, xem trộm được nỏ thần. Trọng Thủy liền xin phép An Dương Vương về thăm cha. Theo lời tả lại của con, Triệu Đà sai làm một lẫy nỏ giả giống hệt lẫy nỏ thần rồi giao cho Trọng Thủy giấu kín mang sang Âu Lạc.

Trở lại Cổ Loa, Trọng Thủy mở tiệc rượu mời An Dương Vương và My Châu cùng dự. Trọng Thủy cố ép mọi người uống say, hấn lên vào cung lấy cấp lấy nỏ thần và thay cái lấy giả vào.

Về đến nước, Trọng Thủy dâng lấy nỏ thần cho cha. Triệu Đà mừng rỡ: “Phen này Âu Lạc sẽ về tay ta” rồi cất quân sang đánh Âu Lạc.

Nghe tin Triệu Đà phản bội, An Dương Vương vẫn ung dung, cậy có nỏ thần nên không phòng bị gì cả. Đến khi quân giặc đã vây kín chân thành. An Dương Vương mới sai đem nỏ thần ra bắn thì thấy không linh nghiệm như xưa nữa, phải thua chạy đến Dạ Sơn gần bờ biển<sup>1</sup> và chết ở đó.

### Hội đèn

Vua An Dương Vương chết đi, Triệu Đà chiếm nước Âu Lạc, đặt hai viên quan sứ cai trị rồi rút về đóng đô ở Phiên Ngung. Nhân dân nhớ ơn An Dương Vương, lập đền thờ và lập am My Châu thờ một tảng đá hình người cụt đầu với truyền thuyết nói rằng xác My Châu biến thành đá.

Làng Cổ Loa gồm 12 xóm, hàng năm đều cùng tham gia cử hành hội bắt đầu từ mồng 6 tháng giêng âm lịch.

#### *Rước văn tế và tế thần:*

Sáng sớm ngày mồng 6 tháng giêng, 12 vị kỳ mục trưởng xóm đến nhà ông tiên chỉ để sửa soạn đám rước. Tại đây có một cái giá văn tế dán sẵn bài văn tế do một vị có

---

1. Túc núi Mộ Dạ ở huyện Đông Thành, Nghệ An.

chức sắc và có văn tự soạn ra. Ông tiên chỉ và các ông kỳ mục mặc áo tể đến trước giá văn tế, lễ năm lễ. Sau đó đám rước gồm có phường bát âm đi đầu, đến 12 vị kỳ mục và tiên chỉ, các dân đình khiêng giá văn tế, kiệu long đình, cờ lọng, ra đền thờ An Dương Vương.

Sân đền rất rộng đã được bài trí cờ quạt trang nghiêm để tiến hành cuộc tế thần long trọng.

Ngoài cửa đền, hai bên là ngựa hồng, ngựa bạch yên cương thêu thùa sắc sỡ. Hai bên đường đi vào đền có các giá gỗ cắm cờ quạt và các lộ bộ, bát bửu, rồi đến kiệu của 12 xóm xếp theo thứ tự quy định. Trước đền đặt một hương án lớn, trên để hộp kính đựng đôi hoa vàng và các đồ ngũ sự. Trước hương án lớn là một hương án nhỏ hơn, trên bày những khí giới của vua Thục như cung, kiếm, tên đồng. Tiếp đó trải một hàng chiếu cạp điều để hội đồng kỳ mục tế thần và dân làng làm lễ.

Khi đám rước tới, long đình được đặt trước hai hương án và giá văn tế được đặt vào long đình.

Cuộc tế thần được tiến hành trong tiếng nhạc của phường bát âm. Ông tiên chỉ là chủ tế. Nghi thức giống như các cuộc tế cổ truyền khác. Cuộc tế dứt, đến lượt dân làng vào làm lễ, cầu nguyện nhà vua phù hộ cho dân làng làm ăn thịnh vượng.

#### *Rước thần:*

Cuộc tế lễ kéo dài quá trưa (ngọ) đến một, hai giờ chiều mới xong, và chuyển sang cuộc rước thần của mười hai xóm.

Đi đầu là đám rước chung của làng, có cờ quạt rồi đến long đình cùng các tự khí, lộ bộ, bát bửu, tiếp theo là phường bát âm và các quan viên đội mũ tế, áo thụng, đi hia, bung những vũ khí của nhà vua: cung, kiếm, tên, nỏ. Liền sau đó là kỳ mục và trai đình xóm Chùa khiêng long đình trên có bài vị của nhà vua, rồi đến kỳ mục và dân xóm khác rước kiệu của mình. Thôn nào có cờ quạt, phường bát âm của thôn ấy. Toàn bộ đám rước rất dài, đi rất chậm, cờ quạt, đàn sáo tung bùng, thỉnh thoảng dừng lại đốt những tràng pháo. Xuất phát từ đền thờ An Dương Vương, đi vòng qua giếng Trọng Thủy rồi đến cổng làng. Tới đây, sau những tràng pháo, đám rước chung của làng và xóm Chùa khiêng long đình có bài vị của vua Thục quay trở lại đền, còn các xóm khác thì tiếp tục rước kiệu về đình của mình.

Cuộc tế lễ và đám rước kết thúc trong một ngày, nhưng hội thì còn kéo dài cho tới rằm tháng giêng với nhiều trò vui cổ truyền. Tối tối đình làng có đốt pháo hoa, hát nhà tơ, hát tuồng, hát chèo. Ban ngày, các cụ ông chơi tổ tôm điểm, cờ bỏi, các cụ bà đi lễ đền, lễ chùa. Trai gái thanh niên, thiếu niên có trò chơi đánh đu, đấu vật, kéo co, leo dây, múa võ, múa cờ, bắn cung nỏ, cờ người, thổi cơm thi, chọi gà, đánh đáo met... Cổ xưa còn tục đánh trống đồng từng đôi hoặc cả dàn hòa tấu “giã trống” như giã cối chày tay.

Những ngày hội Cổ Loa, nhân dân khắp vùng chung quanh đến dự rất đông, coi là dịp vui xuân có ý nghĩa.

### **Ngày giỗ My Châu**

Nhân dân rất thương xót An Dương Vương và My Châu và lập đền thờ ở nhiều nơi. Ngoài xã Cổ Loa có đền

thờ An Dương Vương và am My Châu, ở vùng núi Mộ Dạ (Dạ Sơn) gần nơi nhà vua tự vận, thuộc xã Cao Ai, huyện Đông Thành, Nghệ An có đền thờ An Dương Vương, tục gọi là đền Công, vì nơi đây rậm rạp loài công đến ở rất nhiều.

Ở làng Đông Cao, phủ Nghĩa Hưng (cũ) tỉnh Nam Định có đền thờ My Châu rất nguy nga. Trước đền có hai voi đá và có rùa đá mang bia trên lưng. Hàng năm, vào ngày 18 tháng 8 âm lịch, dân làng mở hội gọi là ngày giỗ My Châu. Hôm đó có rước kiệu My Châu từ làng Đông Cao đến đình làng Đông Bộ ở bên sông Hồng, nơi có đền thờ An Dương Vương. Các chức sắc làng Đông Cao đều đi theo đám rước, vị bô lão nhiều tuổi nhất trong làng bung bình hương đi trước. Làng Đông Bộ hôm ấy cũng mở hội tưởng nhớ An Dương Vương và chờ dân làng Đông Cao tới rồi tế lễ, ngụ ý My Châu đến yết kiến vua cha và tạ lỗi xưa. Buổi chiều lại rước kiệu My Châu về Đông Cao. Nhân dân địa phương gọi hai đền thờ ở làng Đông Bộ và Đông Cao là đền Cha và đền Con.

## HỘI ĐỀN HAI BÀ TRUNG

Vào đầu công nguyên, nước ta bị nhà Đông Hán bên Tàu đô hộ.

Bà Trung Trắc, vợ ông Thi Sách, là con gái Lạc tướng ở Mê Linh (vùng lãnh thổ Ba Vì – Tam Đảo) là người can đảm, dũng lược, từ lâu năm vẫn nuôi chí đánh

đuổi quân xâm lược, giải phóng đất nước. Hành vi bạo ngược của Tô Định không làm Trưng Trắc sồn lòng, trái lại càng làm cho bà và em gái là Trưng Nhị thêm căm thù và quyết tâm tiến hành cuộc khởi nghĩa, đánh đổ chính quyền đô hộ, rửa nợ nước, trả thù nhà, dựng lại cơ nghiệp xưa của các vua Hùng.

Vùng đất Mê Linh là nơi tụ hội các anh hùng nghĩa sĩ.

Mùa xuân năm Canh Tý (40) tại cửa *sông Hát* (Hát Môn huyện Phúc Thọ) Hai Bà Trưng dấy quân.

Theo truyền thuyết dân gian và thần tích đền Hát Môn, tại đây, Hai Bà Trưng đã dựng một đàn thề trước khi nổi dậy. Đứng trên đàn thề, trước mặt quân sĩ và dân chúng Mê Linh cùng nhiều đội quân ở các nơi kéo về tụ nghĩa, Trưng Trắc đã long trọng đọc bốn lời thề, sau này được diễn tả lại bằng lời thơ:

*Một xin rửa sạch quốc thù  
Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng  
Ba kẻo oan ức lòng chồng  
Bốn xin vẹn vẹn sớ công lênh này!*

(Thiên Nam ngữ lục)

Xuất phát từ Mê Linh, nghĩa quân đánh thẳng vào đô úy tự của giặc (tức cơ quan chỉ huy quân sự giặc) đặt ở Mê Linh. Sau đó, Hai Bà Trưng kéo quân xuống đánh chiếm thành Cổ Loa, rồi thừa thắng vượt sông Hồng, sông Đuống, tỏa rộng vào các quận, huyện Cửu Chân, Nhật Nam, Uất Lâm, Hợp Phố...

Hoảng sợ trước khí thế nổi dậy ngút trời của quân và dân ta, bọn quan quân địch không kịp và không dám chống cự, bỏ chạy tháo thân về nước. Tên đầu sỏ Tô Định cắt tóc, cạo râu lẩn trốn về quận Nam Hải (Quảng Đông) bên Tàu.

Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng thắng lợi hoàn toàn, lật đổ chính quyền đô hộ của đế chế Hán trên một vùng rộng lớn, bao gồm toàn bộ lãnh thổ Nam Việt và Âu Lạc cũ, giải phóng 7 quận, huyện gồm 65 thành.

Nhân dân Âu Lạc suy tôn Trưng Trắc làm vua (Trung Vương) đóng đô ở Mê Linh:

*Đô kỳ đóng cõi Mê Linh  
Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta!*

### **Các ngày hội về Hai Bà Trưng**

Hà Nội có nhiều nơi thờ Hai Bà Trưng, nhưng có 3 nơi chính mở hội: Đồng Nhân, Hạ Lôi và Hát Môn. Theo truyền thuyết dân gian thì Hai Bà Trưng hóa vào ngày mồng tám tháng ba (gieo mình xuống sông Hát tụt tử), ngày này là ngày hội chính ở đền Hát Môn. Còn đền Đồng Nhân (Hà Nội) thì lại mở hội vào ngày mồng 6 tháng 2: ngày tắm tượng. Vì đền Đồng Nhân nằm giữa lòng thủ đô nên ngày mồng 6 tháng 2 được lịch ghi là ngày kỷ niệm chính thức Hai Bà Trưng.

### **Hội đền Đồng Nhân:**

Đền Đồng Nhân được xây dựng từ năm 1160 đời vua Lý Anh Tông ở ngoài bãi Đồng Nhân bên sông Hồng. Năm 1819, bãi bị lở nên dời vào khu Võ Sở (nơi Giảng Võ cũ



thời Lê) thôn Hoàng Viên (nay thuộc phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng). Huyền tích kể rằng: Đêm mồng 6 tháng hai năm ấy, có hai pho tượng chị em Bà Trưng bằng đá không rõ từ đâu trôi về, tỏa sáng trước bãi Đồng Nhân. Dân làng làm lễ, lấy vải đỏ đón tượng lên bờ. Vua Lý truyền lập đền thờ tại chỗ. Từ đó, hàng năm mở hội vào ngày đón tượng Hai Bà Trưng từ sông lên.

*Lễ tắm tượng:* Ngày mồng 5 tháng 2 có cuộc rước thánh giá rất long trọng từ đền ra sông Hồng để làm lễ mộc dục tức lễ tắm.

Đám rước có cờ quạt, phường bát âm đi trước, rồi đến kiệu Hai Bà. Theo sau là các bộ lão cùng các quan viên chức sắc mặc áo thụng xanh, đội mũ tế. Đông đảo dân làng theo sau cùng. Khi rước ra tới bờ sông thì thánh giá được khiêng xuống một chiếc thuyền và bơi ra giữa dòng sông. Những người đi theo thuyền là các cụ bộ lão và chức sắc quan viên lấy nước ở giữa dòng làm lễ tắm tượng. Xong, thuyền bơi vào bờ, đám rước thánh giá trở về đền. Hai bên đường đám rước đi về, các thôn trong xã đặt hương án để bái vọng.

*Tế:* Tiếp theo cuộc rước, tại đền hàng năm đều tiến hành tế lễ theo nghi thức cổ truyền. Có năm, dân làng tổ chức tế nữ quan, tức là việc tế do phụ nữ đảm nhiệm hoàn toàn từ chủ tế, bồi tế đến các chấp sự viên đứng như nghi thức của nam giới.

*Múa đèn:* Đặc biệt trong buổi hành lễ, sau nghi thức tế, có cuộc múa đèn theo nhịp trống của *con đĩ đánh bông*<sup>1</sup>.

---

1. Không nên hiểu con đĩ theo nghĩa xấu.

Đoàn múa đèn gồm trên dưới mười người mặc áo dài đen, thắt lưng đỏ ra ngoài áo, buộc múi chéo sang bên cạnh sườn. Các chị đều được chọn lọc và tập luyện công phu từ trước. Đèn là những chiếc đài hoặc chiếc đĩa, chung quanh có cắt giấy hình cánh hoa dán vào, ở giữa đài là một ngọn nến đang cháy. Mỗi vũ công, hai tay cầm hai cây đèn đi thành hàng. Điệu múa uyển chuyển, hàng lối đan đi đan lại, biến chuyển sinh động, tay lên tay xuống nhịp nhàng, những ngọn nến chập chờn, lúc tỏ lúc mờ không bao giờ tắt, ngọn lửa cũng không bắt cháy ra những cánh hoa giấy xung quanh.

Dẫn đầu đoàn múa là một *con đĩ đánh bông*. Đây là một vũ công nam điều khiển cuộc múa. Người này mặc áo the, quần trắng, khăn lượt, đeo ngang mình một chiếc trống cơm bằng những dây vải ngũ sắc quàng qua vai, sau lưng cắm chéo hai hoặc bốn lá cờ đuôi nheo nhỏ, vừa đi vừa đánh chiếc trống cơm bằng hai bàn tay, tạo nên những tiếng bập bùng làm nhịp cho điệu múa, dáng điệu rất mềm mại. Trong khi đoàn múa đèn biểu diễn, dân làng đứng trước bàn thờ vái lễ.

Ngoài ra, ngày xưa bên cạnh đèn có một thừa ruộng dùng để thiết lập một bàn cờ bỏi cho nhân dân vui chơi. Buổi tối có hát chèo để thờ thần và nhân dân giải trí.

Khách trảy hội đi từ ngoài vào tất phải chú ý hai cây cột trụ cao ngất mang một đôi câu đối mà vì lâu ngày, gió sương đã làm phai mờ mất một vế không đọc được. Còn một vế, ta thấy tác giả đã mỉa mai Mã Viện:

*Sơn tiêu đồng trụ tương an tại*

Nghĩa là:

*Chỗ núi đã nêu cột đồng còn đâu nữa.*

Vế câu đối đã mất chắc ý nghĩa nói đến sự nghiệp bất diệt của Hai Bà. Qua cổng, trước đền có một tấm bia lớn đặt trên lưng con rùa đá cổ. Bài văn kia khá dài, nêu lên sự tích và công trạng to lớn của Hai Bà. Vào trong đền, trên vách trước bàn thờ còn ghi một bài thơ nôm:

*Ngựa Gióng đã lên không<sup>1</sup>*

*Rừng Thanh voi chữa lỏng<sup>2</sup>*

*Này chồi hoa nụ Lạc*

*Mở mặt nước non Hồng*

*Trăng tỏ gương hồ bạc*

*Mây tan dấu cột đồng*

*Nén hương lòng cố quốc*

*Xin khẩn một lời chung.*

Và trải qua bao triều đại cho đến ngày nay, tấm gương sáng chói của Hai Bà Trưng vẫn là đề tài vô tận của bao áng thơ văn yêu nước của quần chúng nhân dân.

**Hội Hát Môn:**

Đền Hát Môn ở ngay cửa sông Hát cũ, nay là sông Đáy, thuộc xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ. Từ cây số 26

---

1. Túc Đức Thánh Gióng.

2. Bà Triệu, khởi nghĩa sau Hai Bà Trưng ở quận Cửu Chân (Thanh Hóa ngày nay).

trên đường Hà Nội – Sơn Tây rẽ theo đê sông Đáy vào 7 km là tới. Đây là nơi Hai Bà lập đàn thờ khởi nghĩa. Lời hịch truyền sang sáng vang trên sông nước. Ba quân cờ xí rợp trời, đằng đằng dưng khí, đồn trại kéo dài trên bãi cát “Trường Sa Châu”

Năm 43, khi tuần tiết, Hai Bà cũng lại gửi mình trên dòng sông quê hương này.

Đền Hát Môn trước vốn chỉ là một am thờ nhỏ, cuối thế kỷ 10 đầu thế kỷ 11 mới xây dựng to thêm. Tại đền có tấm bia đá đặt trên lưng rùa đá, ghi lại công tích của Hai Bà, dựng từ thời Vĩnh Tộ (1617 – 1628).

### **Những ngày lễ, hội tại đền Hát Môn:**

Dân xã Hát Môn không chỉ làm lễ kỷ niệm một ngày mồng 8 tháng 3 (ngày Hai Bà mất) mà kỷ niệm một năm tới ba lần theo ba sự kiện quân sự của Hai Bà ở vùng này.

*Ngày mồng 8 tháng 3:* Là ngày Hai Bà tuần tiết, dân làng làm giỗ Hai Bà, đồng thời kỷ niệm ngày Hai Bà ra quân trận cuối cùng. Dân làng có tục lệ làm “bánh trôi” dâng lên Hai Bà, xuất phát từ một chuyện giản đơn mà cảm động: Có một bà hàng bánh trôi nhà nghèo, ở làng Hát Môn, không còn nhớ được tên, khi Hai Bà sắp xuất quân ra cự địch, đã đem những đĩa bánh trôi mới làm xong dâng lên để tỏ lòng thành kính. Hai Bà Trưng đã vui vẻ nhận và ăn một cách ngon lành trước lúc xung trận.

Theo dân làng Hát Môn, sự tích bánh trôi của Việt Nam khác hoàn toàn sự tích bánh trôi của người Tàu để kỷ niệm Giới Tử Thôi trong ngày Hàn thực (3 tháng 3).

Bánh trôi Việt Nam dựa theo truyền thuyết trăm trứng nở ra trăm con của bà Âu Cơ. Bắt nguồn từ tích này mà dân làng Hát Môn nặn bánh trôi theo hình quả trứng. Để dâng Hai Bà, bánh được nặn đúng 100 viên rất nhỏ và sau khi tế thần xong, dân làng đem 49 viên đặt vào lòng một bông hoa sen thả ra sông Hát để trôi ra biển, mọi người đúng trăm ngâm suy tưởng nhìn bông hoa sen chứa bánh trôi, trôi đi mà nhớ đến Hai Bà (Có lẽ từ bánh trôi do đây mà có).

Trước cửa đền Hai Bà, dưới gốc một cây đa còn miếu thờ bà hàng bánh trôi, dân làng cũng không quên đèn nhang đặt lễ cúng vào dịp này.

Ở Việt Nam ta, nhiều nơi có tục ăn tết mồng 8 tháng 3, nhà nào cũng làm bánh trôi. Thực ra, người ta làm bánh trôi ăn từ giữa tháng hai.

Đặc biệt dân làng Hát Môn không làm và không ăn bánh trôi trước ngày mồng 8 tháng 3. Phải chờ đến ngày giỗ Hai Bà; trong khi ở đền dâng cúng, tại các gia đình cũng làm bánh trôi lễ tổ tiên, và chỉ sau khi cúng lễ rồi người ta mới ăn bánh trôi. Bánh trôi đối với dân làng Hát Môn có ý nghĩa thiêng liêng như vậy nên dù người làng có đi đâu, được mời ăn bánh trôi trước ngày mồng 8 tháng 3, người ta cũng không ăn. Bánh trôi còn là biểu tượng cho lòng thành kính, lòng chung thủy của nhân dân đối với những anh hùng cứu quốc mà tiêu biểu là cử chỉ cao đẹp, bình dị của bà cụ nhà nghèo bán bánh trôi, không bao giờ phai mờ trong trí nhớ của người dân Hát Môn.

### *Ngày mồng 4 tháng chín:*

Theo truyền thuyết và thần tích thì ngày mồng 4 tháng chín âm lịch (năm 39 công lịch) là ngày mà Hai Bà Trưng cho mổ bò khao quân rút ở Tây Hồ về và khích lệ 7 vạn tân binh do bà Man Thiện (mẹ của Trưng Trắc, Trưng Nhị) mới tuyển mộ.

Dân làng kéo cờ đại, giết trâu, bò, dê, lợn, để tế Hai Bà.

Trong hội có lễ trình diện con trâu do các quan viên chức sắc chọn mua để tế Hai Bà. Con trâu này đòi hỏi phải béo tốt và còn có tướng quý (tướng trâu) tức là phải: lưng cầu, đầu quạ, dạ bình vôi, mắt ốc nhồi. Nếu được đầy đủ các đặc điểm ấy, dân làng sẽ làm ăn phát đạt. Con trâu được uống rượu, sau đó mới bị chọc tiết, thui vàng và khiêng vào trước sân đền để làm lễ tế.

*Ngày 24 tháng chạp:* Đây là ngày hội long trọng nhất trong năm của dân xã Hát Môn. Hàng nghìn trai gái trong làng được huy động để lập thành đạo tiền binh, hậu binh, tổ chức rước thần.

Tám cô trinh nữ nhan sắc nhất được lựa chọn để theo sau hầu kiệu Hai Bà.

Đám rước có người đóng vai quân lính mang cờ, quạt, chiêng, trống và những người đóng vai tướng mang gươm phù giá. Hàng lối đi đứng diễu hành ra sao đã được tập dượt hàng tuần trước.

Nửa đêm hôm 24 tháng chạp, nghe tiếng trống làng, thanh niên nam nữ tập hợp thành từng đội rước tượng thần

ra bờ sông làm lễ mộc dục (lễ tắm tượng) sau đó lại rước tượng thân về đền. Đêm mùa đông giá lạnh, đám rước rầm rộ tiến đi giữa tiếng đàn nhạc, trong ánh đèn, đuốc tung bừng và nỗi lòng hân hoan của dân làng. Lòng người ấm lên át cả sương gió lạnh lùng.

### Hội đền Hạ Lô

Cũng theo truyền thuyết và thần tích, quê cha Hai Bà Trưng ở làng Hạ Lô (nay thuộc xã Mê Linh, huyện Mê Linh, Hà Nội), hội đó là vùng đất bãi trồng dâu nuôi tằm. Đền Hạ Lô ở gần sông Hồng, cách bến Chèm 9 km về phía tây. Đây cũng là nơi đóng đô sau khi Hai Bà giành được quyền độc lập tự chủ cho đất nước.

Hội đền Hạ Lô mở ngày mồng 6 tháng giêng âm lịch. Trong ngày hội có nhiều trò vui cổ truyền như đánh cờ, đánh đu, v.v. nhưng quan trọng hơn cả là *rước tập trận* từ đền ra bờ sông.

Để cử hành rước tập trận, dân làng kén 150 thanh niên và 150 thiếu nữ đóng làm quân Hai Bà Trưng. Nam thì áo đen quần trắng, thắt lưng ra ngoài áo dài, buộc múi sang bên sườn; nữ thì áo dài tứ thân màu nâu, sống (váy) màu đen, hai vạt thắt ra đằng sau. Những người này được tập luyện trước, theo hiệu lệnh của người chỉ huy cho thành thạo.

Đám rước bắt đầu từ đền, đi vòng dưới chân đê sông Hồng – tránh không đi trên đê vì mặt đê cao hơn mặt đền, sợ mất sự tôn kính – nghỉ ở bờ sông rồi rước kiệu xuống sông lấy nước rồi lại quay về đền. Cũng như nhiều đám

rước thần khác, có cờ, quạt, chiêng, trống, dàn nhạc và nhân dân đi theo rất đông vui tấp nập. Đặc biệt ở đây khi rước, đội quân nam nữ còn hát một khúc hát nói là lưu truyền từ đời Hai Bà đặt ra để cổ vũ quân lính.

Bên nữ hát:

*Ta lên núi*

*Ta lên núi*

*Đuổi đàn hươu*

*Đuổi đàn hươu*

*Chị em ta nào quân sớm chiều*

Bên nam hát:

*Ta lên núi*

*Ta lên núi*

*Đuổi đàn nai*

*Đuổi đàn nai*

*Anh em ta khó nhọc bao nài*

Tất cả đồng ca:

*Nỗi niềm tâm sự than thở cùng ai?*

*Đoái trông phương Đông: Nước rộng mênh mông*

*Đoái trông phương Tây: Đá trắng gồ ghề*

*Đoái trông phương Nam: Mây che đầu ngàn*

*Đoái trông phương Bắc: Núi cao ngất.*

### **Hội Mai Động:**

Làng Mai Động nay thuộc phường Mai Động, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội nằm trên đường ngã tư Trung Hiền đi Vĩnh Tuy, nơi có đền thờ ông Nguyễn Tam Trinh, một danh tướng của Hai Bà Trưng, được suy tôn là ông tổ của



lò vật Mai Động. Khi theo Hai Bà Trưng khởi nghĩa, ông Nguyễn Tam Trinh dùng cách đấu vật là một trong những môn võ để tuyển quân và luyện quân quan trọng.

Hội Mai Động mở vào ngày 10 tháng hai âm lịch, ngoài các cuộc tế lễ, có nhiều trò vui và đặc biệt là cuộc thi vật rất hào hứng. Những hội làng ở nhiều nơi khác hầu như đều có thi vật. Nhưng thi vật ở Mai Động trở thành một truyền thống. Ngày hội, các tay đô vật giỏi nhất của các lò vật ở thủ đô và ở các tỉnh lân cận thường kéo về đây dự giải thi tài với các đô vật Mai Động vốn rất nổi tiếng.

Trước đình làng có một bãi rộng, cuộc thi vật được tổ chức ở đây để đông đảo người dự hội được xem. Các trận đấu vật từ thấp lên cao đều có các cụ lão thành, các quan viên chức sắc am hiểu về nghệ thuật vật đánh trống cái cầm trịch (trọng tài), ngoài ra lại còn một người cầm trống khẩu đánh ngay bên cạnh các đô vật để khuyến khích, thúc giục làm cho cuộc đấu thêm sôi động, tăng khí thế tấn công.

Đấu vật ở đây theo luật lệ cổ truyền, có khác với luật hiện đại.

Đánh vật đương nhiên phải dùng sức, nhưng sức khỏe chưa đủ mà phải biết thế vật, gọi là miếng võ để thắng đối phương dù đối phương to khỏe hơn mình. Đến hội Mai Động, người ta sẽ được xem những keo vật hay tạo ra bởi những miếng cổ truyền và sáng tạo mới của các đô vật dày dặn kinh nghiệm.

Chỉ có hai cách để thắng, một là vật ngửa được đối thủ, gọi là *vật ngã trắng bụng*, hai là bốc được đối phương

khỏi mặt đất dù trong tích tắc, cho nên người cầm trịch phải rất tinh.

Làng mở hội thường treo giải vật gồm ba giải chính: nhất, nhì, ba và nhiều giải khuyến khích gọi là giải hàng (giải lèo).

Giải hàng là những giải cho các keo vật trước khi vào các giải chính. Trong giải hàng, hai đô vật vào vật với nhau, ai thắng là được giải – thưởng một món tiền hoặc một hiện vật giá trị nhỏ.

Ba giải chính thường tiến hành vào ngày chính hội. Muốn vào giật ba giải chính phải qua nhiều keo vật và thời gian giữ giải có khi tới 3 ngày.

Về các giải chính, luật lệ định ra rằng:

- Giải nhất trong sáu ngoài năm
- Giải nhì trong năm ngoài bốn
- Giải ba trong bốn ngoài ba.

Như vậy các đô vật tự lượng sức của mình xin giữ giải nào. Người xin giữ giải nhất phải thắng luôn sáu keo với sáu người khác mới được giải, còn người phá giải chỉ cần thắng bốn người khác và người giữ giải là được giải. Người giữ giải nhì phải thắng luôn năm người khác nhau, và người phá giải nhì chỉ cần thắng ba keo với ba người khác nhau và với người giữ giải. Người giữ giải ba phải thắng luôn bốn người, người phá giải thì phải thắng ba keo.

Thông thường giải ba được tiến hành trước, rồi đến giải nhì và sau cùng là giải nhất. Mức độ gay go và hào hứng cứ tăng lên dần và mỗi khi kết thúc một giải lại đốt

một bánh pháo mừng người thắng cuộc và treo giải. Những người được giải đều làm lễ vọng vào đình. Hội vật Mai Động được duy trì đến ngày nay với tinh thần thượng võ.

\*

\* \*

Trang sử kháng chiến oanh liệt của Hai Bà Trưng khơi dậy lòng tự hào, tự tôn dân tộc rất mạnh mẽ và được ghi lại trong tâm khảm dân tộc Việt Nam ta không bao giờ phai nhạt, thể hiện qua các hội lễ của nhiều địa phương, mỗi nơi có đặc điểm riêng, tóm tắt như sau:

**Hội Vĩnh Ninh** (nay thuộc xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì) thờ nàng Tia với tục diễn trận giả vào ngày 13 tháng năm.

**Hội vùng Kẻ** (thuộc huyện Từ Liêm) nơi thờ ba anh em họ Quách Lãng và hai nàng họ Đinh, mở hội ngày mồng 10 tháng 3 với trò diễn luyện quân còn được ghi trong ngọc ngữ Hà Nội cổ.

**Hội Yên Lộ** (xã Yên Nghĩa, huyện Hoài Đức) thờ ả Lã nàng Đô và em trai đã mộ 500 dân làng lên Hát Môn tụ nghĩa, hội mở ngày 8 tháng giêng.

**Hội Liên Hà** (huyện Đan Phượng) kỷ niệm Sa Lãng tướng quân thờ ở đền Nhà Bà, thông thường hội vào ngày mồng 8 tháng ba.

**Hội Chu Phan** (huyện Mê Linh) có tục làm bánh dày bó trong tấm mo để cúng bà Á lữ nương, nhắc lại trận đánh suốt ngày đêm của bà chống giặc Hán, quân không kịp nấu ăn.

**Hội Tráng Việt:** (Mê Linh) có lệ trời tối hẵn mới dọn cỗ, dâng hương để tưởng nhớ cách đánh tập kích ban đêm của bà tướng Hồ Thị Đễ. Vùng này còn truyền câu ca “*Chu Phan có hội bó mo. Tráng Việt có hội đi mò ăn đêm*”...

Như vậy chúng ta thấy những hội lễ tưởng nhớ những chiến công của Hai Bà thật là phong phú, dưới đây chúng tôi ghi lại tương đối chi tiết một hội khá đặc biệt, hội chèo vùng Gối, tiêu biểu cho ngày hội truyền thống tôn thờ Hai Bà Trưng.

### **Hội chèo vùng Gối<sup>1</sup>**

*Đồn rằng kẻ Gối vui thay!  
Đàng đông có chợ, đàng tây có chùa  
Giữa chợ có miếu thờ vua  
Đôi bên nước chảy đò đưa em vào.*

Câu ca xưa minh họa khái quát cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp của vùng Gối, đồng thời giới thiệu kín đáo một vùng đất trù phú đã tạo nên những con người vừa lao động cần cù vừa có tâm hồn phong phú yêu văn hóa văn nghệ.

Tổng Gối xưa nằm trong huyện Từ Liêm thuộc phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây, là đất Phong Châu cũ, nơi kinh đô của các vua Hùng dựng nước.

Trong thời gian thuộc Pháp, tổng Gối gọi là tổng Thượng Hội, gồm bốn làng: Thượng Hội, Thúy Hội, Vĩnh

---

1. Dựa theo “Hội chèo vùng Gối” của Nguyễn Hữu Thu

Kỳ, Phan Long thuộc huyện Đan Phượng (tỉnh Hà Đông). Sau này, đổi tên là Tân Hội. Hiện nay, xã Tân Hội thuộc huyện Đan Phượng, ngoại thành Hà Nội <sup>(1)</sup>.

Kẻ Gối, ngoài nghề nông là chính còn nghề dệt vải “vải con” là thứ vải dệt bằng tay, khổ hẹp dùng để may mặc và dệt vải màn nổi tiếng đến nay vẫn phát triển. Người kẻ Gối rất hiếu học: ngày xưa, trong hàng tổng có người đỗ cử nhân, tú tài, ngày nay dưới chế độ mới, những trí thức mới, bác sĩ, kỹ sư, cán bộ trình độ đại học không hiếm. Và đặc biệt, vùng Gối – do nhu cầu giao lưu văn hóa – là nơi tập trung hầu hết các loại dân ca có tính phổ biến của ba miền Bắc, Trung, Nam. Đến nay, các cụ già ở đây có thể hát một chương trình đủ các lối, các giọng: giọng Huế, giọng lý Sài Gòn, giọng Mường, giọng Thổ... Dưới đây là điều lệ về cuộc thi hát chuyển giọng điệu được phổ biến bằng bài hát:

*... Hát nắng rồi lại hát mưa  
Hát giọng quan họ, dò đưa, giọng tuồng  
Hát cho tó tuồng, giọng Mường, giọng Thổ  
Giọng Sài Gòn, cho đủ lý hành (giọng lý Huế)*

Xưa kia, cứ vào tiết trăng thu, vùng kẻ Gối có tục trai gái rủ nhau đi từ làng này sang làng khác để hát trống quân. Các cuộc hát trống quân thường diễn ra trong những đêm trăng từ mồng mười cho đến hai mươi sáu tháng tám âm lịch, ở nhiều địa điểm: bên gốc đa đầu đình, bên bờ ao làng, trên bờ đê hoặc bên này ngòi hát với bên kia ngòi.

---

1. Huyện Đan Phượng nay thuộc Hà Tây.

Nói chung kết cấu môi trường sinh hoạt văn hóa hát trống quân là *trăng nước*. Người ta hát từ lúc trăng lên cho tới khi trăng lặn, hết đêm này sang đêm khác nhưng ban ngày những công việc làm ăn đồng áng vẫn tiến hành đầy đủ.

### ***Ngày hội chèo***

Theo tục lệ, cứ 30 năm một lần vào dịp đầu xuân, nhân dân tổng Gối gồm bốn làng kết nghĩa anh em: Thượng Hội, Thúy Hội, Vĩnh Kỳ, Phan Long lại mở hội *hát chèo thuyền* để ca ngợi và tưởng nhớ sự tích chiến đấu chống ngoại xâm giành độc lập dân tộc của Hai Bà Trưng (hát chèo thuyền còn gọi là hát *chèo tàu*. Tàu là từ Việt cổ đồng nghĩa với thuyền). Các cụ cao tuổi giải thích : Sở dĩ 30 năm mới mở hội một lần, vì có tới 30 làng khác nhau lập đền thờ Hai Bà ở vùng Hát Môn, vùng Thượng Trì, làng Đồng Nhân, vùng Yên Lãng, v.v...

Thời gian mở hội kéo dài tới bảy ngày. Từ 15 đến 21 tháng giêng âm lịch.

Hội hát chèo thuyền (hát chèo tàu) là một hình thức diễn xướng mang tính chất phong tục lễ nghi âm nhạc.

Những người múa hát chèo thuyền (tàu) gọi là “ca nhi phường” đứng trên thuyền rồng, tay cầm mái chèo trang trí cách điệu, múa hát theo nhịp lao động chèo thuyền. Vì thế gọi là hội hát chèo. Hội chèo là một biểu hiện của *văn hóa thuyền*. Âm nhạc của hội chèo chủ yếu là *âm nhạc thuyền*, trung tâm diễn xướng là con thuyền. Đó là sắc thái của hội chèo làng quê vùng Gối:

*Chèo thuyền cho đố mớ hội*  
*Láy đôi giải yếm lau đôi má hồng*

Xưa kia, hội đua thuyền (bơi chải) là một ngày hội truyền thống mang tính chất lễ nghi, tính chất quân sự, thể thao và văn hóa văn nghệ khá phổ biến của cư dân nông nghiệp người Việt, vốn có từ thời Hùng Vương dựng nước. Hội chèo vùng Gối thực chất là biến tướng của ngày hội đua thuyền truyền thống.

Địa điểm mở hội ở trên một cánh đồng gần cầu ngói thuộc làng Thượng Hội. Khu vực mở hội gọi là *đại dinh tàu tượng* (dinh trại voi và thuyền) rộng khoảng vài mẫu. Xung quanh khu đại dinh dựng hàng rào tre đan chéo cánh sẻ, cao hai mét, cách hai mét lại treo một chiếc đèn lồng nhiều màu sắc, ban đêm đèn sáng như sao sa. Bốn góc dinh có hai cột cờ cao tám mét, mỗi cột treo một lá cờ đại. Trong khu đại dinh được thiết lập chín tòa nhà bằng tre, tường bằng phên nứa, mái lợp chiếu cói, bốn góc uốn long đao, nóc bó bờ hoa lưỡng long châu nguyệt, nền nhà bằng phên tre trên trải chiếu hoa cạp điều, chung quanh trang trí bằng lụa, vóc màu, hoành phi câu đối... Nói chung các tòa nhà được thiết lập rất công phu, mỗi tòa một vẻ, hợp thành một khu trung tâm rực rỡ, mỹ lệ. Mỗi tòa nhà có một chức năng phục vụ cho tổng thể các ngày hội.

Trước ngày vào đám phải thiết kế hai con voi và hai chiếc thuyền rồng. Việc thiết kế voi và thuyền sao cho thật mỹ thuật phải tiến hành từ hàng nửa năm trước. Voi có tính chất nghi biểu về Hai Bà Trưng và là biểu tượng về sức

manh và quyền uy. Voi và thuyền là đặc trưng của ngày hội chèo và là trung tâm của hát múa.

*Thuyền* (tàu) làm bằng gỗ, đầu rồng, đuôi tôm, có một cái lầu nhỏ, mũi bằng, nên gọi là thuyền lầu. Thuyền dài bốn mét, rộng hai mét, cao một mét rưỡi, có bốn bánh xe để đẩy đi trên cạn, thiết kế chắc chắn, có thể dùng cho hơn mười người đứng trên múa hát (một kiểu “sân khấu thuyền” di động).

Trong thuyền có một chúa thuyền (chúa tàu). *Chúa tàu*, trong thực tế là người cai quản chỉ huy phương hướng. Nhưng ở đây, chúa thuyền là người đứng tuổi có chức năng như bà trùm điều khiển thực hiện phương thức diễn xướng. *Cái tàu* trong thực tế là người cầm nhịp điều khiển những tay chèo, trong diễn xướng là người gõ sênh, cầm nhịp dẫn câu hát. *Con tàu* là người chèo thuyền và thực hiện diễn xướng, *cái tàu* và *con tàu* đều là gái thanh xuân tuổi từ 13 đến 16.

*Chúa tàu* đầu vấn khăn vàng, trên đỉnh mũ tiên thù chim phượng châu mặt trời, cài năm bông ngọc trắng, tóc cài trâm, mặc áo nghi thường vũ y, chân đi giầy song phượng, tay cầm thanh la.

*Cái tàu* và *con tàu* vấn khăn hồng, trên đỉnh mũ tiên, trang phục như chúa tàu.

Khi diễn xướng, *chúa tàu* chỉ huy, hai *cái tàu* gõ sênh giữ nhịp, dẫn câu hát, mười *con tàu* hát đón theo hình thức *xướng xô* và *múa mái chèo*.

Đầu thuyền rồng, cắm một cây cờ và mười ba cái lọng dùng để che cho con tàu, cái tàu và chúa tàu.



Trong hội có hai thuyền rồng, số người và trang trí giống nhau. Xung quanh thuyền trang trí câu đối bằng vóc hoặc lụa, có những câu như:

*Thuyền lướt trên cạn nhẹ tựa lá  
Đường hoa chèo lái đẹp như mây*

(dịch từ chữ Hán)

Voi (*tuợng*). Hai von đan nan tre, cột gỗ, dài hai mét rưỡi, cao một mét rưỡi, trên lưng voi có bành rộng để hai quản tượng đứng múa hát. Voi đặt trên bệ gỗ, có bốn bánh xe để đẩy đi. Hai quản tượng: quản tiền, quản hậu đều là nữ cải nam trang, tuổi từ 13 đến 16, đầu đội mũ thêu, mặc áo hồng bào tay rộng và khoác áo chiến. Quản tiền (ngồi trước) che lọng xanh, tay cầm búa, đeo loa đồng. Quản hậu (ngồi sau) cũng che lọng xanh, tay cầm búa, đeo tù và. Ở đây, do tính chất nghi lễ và phương thức diễn xướng hội hè, nên bà Trưng Trắc, Trưng Nhị không “thủ vai” xuất hiện trên lưng voi. Quản tượng xướng họa và hát giao duyên với cái tàu. Khi đi diễu hành, quản tượng gọi loa dẹp đường.

*Chúa tàu* tuổi cũng chừng độ năm mươi, là người đã được tuyển lựa vào “ca nhi phường” từ lần hội trước, có tài hát múa của từng làng, nay được chọn làm chúa tàu. Chúa tàu có bốn phận huấn luyện lại cho con tàu, cái tàu những bài hát và điệu múa giống như các trùm trò.

Việc tuyển lựa diễn viên được làm vào tháng tám âm lịch, luyện tập cho đến hết ngày 14 tháng giêng âm lịch năm sau, để sang ngày 15 tháng giêng thì vào đám. Như vậy thời gian tuyển lựa và tập luyện gần 6 tháng.

*Mẹ chiêu quân* (“Chiêu” không có nghĩa là “cô

chiêu” con gái nhà quan). Mẹ chiêu quân tuổi chừng 50, vẫn còn nhan sắc, là người chăm lo quân lương và tuyển lựa binh lính trong thời chiến tranh. Mỗi làng tuyển lựa một bà. Mẹ chiêu quân đầu đội mũ thất phượng, đính hai hạt ngọc, mặc áo tay thụng, trong mặc áo cầm nang, tay cầm hốt ngà voi (gương soi bằng ngà), chân đi giày song phượng, ngồi trước một chiếc kỷ đẹp, có bày biện báu vật. Bà nào bà ấy ngồi trước nhà hành lang của làng mình trong khu đại dinh để làm nghi biểu, có lọng che.

### *Nghi thức diễn xướng hội chèo*

Đại lễ nhạc được tiến hành trong 7 ngày đêm. Dưới đây mô tả lại trong một ngày đêm.

Đại lễ nhạc tàu tượng vào sáng ngày 15 tháng giêng âm lịch tại nhà “đại bái” trong đại dinh.

#### **Buổi sáng:**

*Phần mở đầu* bao gồm những bài *lễ ca* do bốn *con tàu* (những người chèo thuyền, trang phục theo nghi thức, thực hiện trước cung điện, vào đền, họ *múa dâng hương* và hát:

*Thăm thăm thanh miếu*  
*Thưa hương mời dâng*  
*Mùi hương thơm phúc*  
*Thần đền cả mừng vậy...*

Sau đó chiêm trống nổi lên và hát các bài: tiến rượu tiến nhạc...

*Phần diễn xướng ca khúc:* Sau phần lễ ca, bốn con tàu đứng giữa chiếu trước điện, thực hiện ba đợt ca khúc: tuần ca khúc thứ nhất, tuần ca khúc thứ hai, tuần ca khúc

thứ ba. Trên cơ sở một làn điệu âm nhạc, những lời ca được luôn luôn thay đổi:

*Xin chúc vua, chín lần thắng tiệc hoan khai  
Áo xiêm Nghiêu Thuấn cân đai Cao Quý...*

(tuần ca khúc thứ nhất)

*Xin chúc vua, mừng nay hồng mệnh tại thiên  
Bốn dân đem lại vui nên một nhà...*

(tuần ca khúc thứ hai)

v.v...

#### **Buổi chiều:**

*Hát lễ trình* (hát thờ) mở đầu cho cuộc diễn xướng buổi chiều ngày rằm tháng giêng. “Ca nhi phường” của bốn làng lần lượt vào đứng trước cung điện theo hàng ngang. Chúa tàu đánh thanh la ra hiệu cho hai cái tàu gõ sênh dẫn nhịp cho các ca nhi hát rằng:

*Chắp tay vào lạy long trì  
Chúng tôi một bộ ca nhi lễ trình...*

Sau khi hát lễ trình, ca nhi phường ra sân đại đình, trèo lên thuyền rồng múa hát theo điệu chèo thuyền. Họ thay nhau diễn xướng, mỗi làng hát theo lời ca riêng do một người đỗ cao của làng mình làm ra.

Điệu hát chèo thuyền là một trong những làn điệu âm nhạc mang phong cách của ngày hội. Đây là phần biểu diễn ngoài trời do chúa tàu đánh thanh la chỉ huy, hai cái tàu gõ sênh dẫn câu hát, mười con tàu họa theo (hình thức này gọi là *xướng xô*, cái tàu xướng, con tàu xô). Hình thức

hát đón và xướng xô có thể kéo dài hàng trăm câu với nội dung văn học và lời ca khác nhau:

Cái tàu:

*Xuân phong hòa khí một đoàn  
Liễu đào là bạn quế lan là tình*

Con tàu: (hát đón và xô)

*Liễu đào là bạn quế lan là tình  
Hò khoan, khoan hội hò khoan...*

Trong khi ca nhi phường của từng làng tiếp tục hát chèo thuyền ở ngoài trời thì quần voi hát lễ trình trong cung điện. Tám quần tượng đứng thành hai hàng ngang hát lễ trình:

*Chắp tay vào lạy long trì  
Chúng tôi quần tượng ca nhi lễ trình*

Hát lễ trình xong, quần tượng ra sân đại đình, lên bành voi hát múa:

*Tôi quần nữ lên ngôi đầu tượng  
Khăn nhiều điều đối dáng nam nhi  
Quần hồng vén bức nhung y  
Tay cầm búa ngọc, miệng thì gọi loa*

...

Quần tượng có thể hát hàng loạt bài như vậy.

Hát thề xong, quần tượng chuyển sang những bài hát theo giọng bình văn:

*Tượng tôi chơi dưới tinh Đông  
Chơi khắp năm tinh về trong hội này*

*Đồn rằng hội Gối hát hay  
Tượng ca câu này tàu đối được chăng?*

Trong lúc này, thuyền và voi đều có mặt trong sân đại đình, quản tượng đưa đẩy một vài câu để chuẩn bị vào cuộc hát giao duyên.

*Hát ve tàu tượng* (người chèo thuyền và quản voi).

Con tàu đứng trên thuyền rồng, quản tượng ngồi trên mình voi hát đối đáp tỏ tình bằng giọng hát theo phong cách địa phương, gọi là “hát ve tàu tượng”. Ngoài giọng hát ve; con tàu, quản tượng còn dùng các lối hát đối đáp khác nhau như: hát trống quân, sa mạc, lý giao duyên, lý hành vân, lý tam thất, v.v... Đến đây, tàu – tượng được coi là trung tâm diễn xướng:

Quản tượng (nhại giọng Huế)

*Cậu ở trong Huế cậu ra  
Đồn rằng có hội cậu ra ve tàu  
Môi son má phấn một màu  
Thi nhau bẻ lái, đua nhau cạy tài...*

Con tàu:

*Đồn rằng tổng Gối có voi  
Vượt qua cửa biển xem voi thế nào?  
Voi kia vừa lớn vừa cao  
Có hai chú quản ra vào gió giăng  
Gió giăng thì mặc gió giăng  
Kìa hai chú quản chẳng bằng tàu đây.*

Tiếp tục phần hát tỏ tình. Con tàu, quản tượng còn sử dụng những điệu hát dân gian phổ biến của vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ.

## **Diễn xướng buổi tối:**

### *Hát bỏ bộ*

Hát bỏ bộ là một hình thức múa hát nằm trong hệ thống dân ca nghi lễ của người Việt nói chung. Hát bỏ bộ được coi là một chương trình diễn xướng chủ yếu vào những buổi tối trước cung điện. Đảm nhiệm việc này là những quần tượng, con tàu, cái tàu. Hát bỏ bộ, được trình bày dưới dạng tổ khúc, thường từ tám đến mười hai người múa hát.

### *Hát ca trù (hát nhà tơ)*

Chương trình diễn xướng vào buổi tối còn có hát ca trù, vốn cũng là hình thức hát cửa đình của nông thôn người Việt. Lối hát này gồm có hai đào nương thay nhau hát, một kép đệm đàn đáy, và một người am hiểu nghệ thuật ca trù điểm trống chầu. Người cầm chầu thường là các bậc tai mắt khoa cử trong hàng tổng, Các nhà nho làm thơ cho đào nương hát để mọi người thưởng thức và bình phẩm qua tiếng trống chầu...

Trên đây là toàn bộ chương trình hát chèo tàu thay đổi trong một ngày đêm. Ngày hội còn có nhiều trò khác: đánh tổ tôm điểm, tam cúc điểm, leo dây múa rối, hát chèo, nơi trình bày bách nghệ, trai gái hát đối đáp tỏ tình, đánh đu, đánh vật, thổi cơm thi... Ai thích trò gì xem trò đó. Suốt trong thời gian hội không lúc nào ngớt tiếng ca hát. Nhưng chương trình diễn xướng chính thức của ngày hội vẫn phải theo quy định: buổi sáng hát múa nghi thức, buổi chiều hát lễ trình, tối hát bỏ bộ và hát ca trù.

Nguồn gốc của tục lệ hát múa “tàu tượng” được giải thích qua truyền thuyết ghi trong tập “truyền kỳ” mà một cụ già (cụ đồ Nghĩa) 86 tuổi (tính đến năm 1963) còn giữ được, như sau: “Khi bà Trưng Trắc Trưng Nhị nổi lên đánh đuổi quân nhà Hán, làm vua được ba năm thì Mã Viện đem quân sang. Trong thời gian giao chiến với Mã Viện, Hai Bà kéo quân qua kẻ Gối lên vùng Hát Môn lập căn cứ địa. Thuyền bè đi lại trên sông Nhuệ và sông Hồng rợp bóng nước toàn nữ quân, nữ tướng. Quân bộ toàn voi. Sau khi Hai Bà hoá ở sông Hát, nhân dân ái mộ hai vị nữ anh hùng, đã lập đền thờ. Từ đó về sau, đời đời tiếp nối nhau hương khói tưởng vọng. Và, để nhớ đến cảnh tượng kéo quân qua làng Gối của Hai Bà, nên mới đặt ra tục lệ hát múa “tàu tượng”.

Cho nên có thể coi hội chèo vùng Gối là ngày hội truyền thống tôn thờ Hai Bà Trưng.

## HỘI VỀ THÁNH TẢN VIÊN

Những hội làng của khắp một vùng rộng lớn quanh dãy núi Ba Vì và ngã ba sông Hồng, sông Đà, đều có chung nguồn gốc từ truyền thuyết về thần núi Tản Viên và đền thờ thánh Tản Viên.

Núi Tản Viên có hình cái tán, cao gần 1.300 mét gọi là núi Ba Vì (vì có 3 tầng cao chót vót), nằm trên địa phận huyện Ba Vì ngày nay. Trông xa như có hai cánh phượng hai bên nên còn gọi là núi Cánh Phượng hoặc Phượng Hoàng Sơn.

Theo thần tích, Tản Viên chính là Sơn Tinh (trong truyện Sơn Tinh Thủy Tinh) người đã được may mắn làm rể vua Hùng thứ 18. Có cách nói Tản Viên tên thật là Nguyễn Tuấn, một người có tài chữa bệnh.

Truyện kể rằng: Tản Viên là dòng dõi vua Lạc Long, xuất thân nhà nghèo nên phải kiếm củi bán độ thân. Một hôm vào rừng, Tản Viên gặp sao Thái Bạch ở trên trời xuống và được ban một cây gậy thần chữa được mọi bệnh tật cứu sống người. Nhờ cây gậy thần ấy, Tản Viên cứu sống một con rắn bị trẻ chăn trâu đánh chết, con rắn đó là con Long Vương lên bờ chơi gặp nạn. Tản viên được Long Vương mời xuống thăm thủy cung và được tiếp đãi rất long trọng. Để tạ ơn, Long Vương biếu nhiều thứ châu báu quý hiếm nhưng Tản Viên đều từ chối, cuối cùng chỉ nhận một quyển sách ước, muốn ước gì được nấy.

Gậy thần và sách ước tạo cho Tản Viên có phép thần thông biến hoá không thần bào bì kịp, nhưng Tản Viên chỉ dùng phép đi khắp nơi cứu nhân độ thế, cứu chữa người có bệnh tật, làm ra mưa khi có hạn hán, rút nước đi khi úng lụt giúp dân cày cấy thuận hoà.

Nhờ có phép thuật cao cường. Sơn Tinh (tức Tản Viên) đã đánh bại Thủy Tinh khi Thủy Tinh không lấy được My Nương, dâng nước lên trả thù, gây lụt lội, làm hỏng mùa màng, phá hoại tài sản của nhân dân, buộc chúng phải rút quân về.

Dân chúng trong vùng nhớ ơn Tản Viên, lập đền, miếu thờ ở nhiều nơi. Trên núi Ba Vì có đền Thượng thờ Tản Viên (nay đã đổ nát), lưng chừng núi có đền Trung là



nơi thần thường ngồi chơi ngắm cảnh. Ở dưới chân núi cũng có đền thờ, gọi là đền Hạ, nay thuộc xã Minh Quang.

Truyền thuyết về thánh Tản Viên cũng như truyện Sơn Tinh Thuỷ Tinh là sự đúc kết quy luật thời tiết vùng nhiệt đới hàng năm thường xảy ra mưa bão, lũ lụt và khẳng định truyền thống đấu tranh chống thiên nhiên của nhân dân vùng trung châu bằng các biện pháp trị thuỷ, bảo vệ mùa màng thắng lợi.

### **Hội đền Và**

Ở khu vực núi Tản Viên có bốn cung điện lớn thờ Tản Viên toả ra bốn phương đông tây nam bắc.

Đền Và ở xã Trung Hưng thuộc ngoại vi thị xã Sơn Tây ngày nay, gọi là Đông cung. Tây cung tức đền Hạ nằm dưới chân núi ở xã Minh Quang, Nam cung ở thôn Yên Cư xã Tản Lĩnh, Bắc cung ở xã Tây Đằng đều thuộc huyện Ba Vì.

Hội đền Và ba năm mở một lần vào ngày 15 tháng 9. Ngày hội có tế lễ và các trò vui. Nghi lễ chính của ngày hội là cuộc rước bài vị Thánh Tản qua sông Hồng sang đình Dội (nay thuộc xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phú) lấy nước ở giữa sông về làm lễ tắm gội. Theo truyện kể dân gian thì đình Dội thờ một bà cất cỗ người làng (không rõ tên). Bà từng gánh nước sông Hồng cho Thánh Tản tắm mát, sau một cuộc đi đánh Thuỷ Tinh trở về. Việc rước bài vị Thánh Tản sang đình Dội, và ở đó có cuộc tế lễ là tỏ ý không quên ơn người giúp đỡ.

Trong ngày hội có tục thi đánh cá trên khúc sông Tích từ Cầu Vàng (nay thuộc xã Đường Lâm) đến cầu Ái

Mỗ (xã Trung Hưng). Trước khi vào thi, cụ tiên chỉ làm lễ trước bàn thờ thánh rồi ra bờ sông đốt một bánh pháo bắt đầu cuộc thi và từ lúc ấy trống ngũ liên thúc giục không ngớt. Ai quăng lưới kéo lên được cá thì để riêng phần trình làng xã. Ai bắt được nhiều nhất và cá to nhất thì có thưởng. Dưới sông hàng chục thuyền lượn đi lượn lại, lưới tung lên không ngớt, trên bờ công chúng đứng xem đông nghịt và reo hò mỗi khi thấy một cái lưới đầy cá và có cá to. Vào khoảng nửa buổi xem chừng đã đủ số cá làm lễ, ông tiên chỉ đốt một tràng pháo kết thúc và chấm giải. Trong số cá đánh được, người ta chọn ra con chép to nhất để nguyên và chặt 99 đuôi các con khác đưa lên làm lễ dâng thánh.

### **Hội làng Cẩm Đái – Tòng Lệnh**

#### **Quy Mông – Khê Thượng**

Hai làng Cẩm Đái (xã Cẩm Lĩnh) và Tòng Lệnh (xã Tòng Bạt) cùng huyện Ba Vì, có chung một tục lệ dùng cá làm vật lễ thánh để cúng tế như đền Và nói trên. Hàng năm, ngày 12 tháng hai âm lịch, hai làng tổ chức tế lễ và cùng nhau mở tiệc cá gỏi bằng cá lăng, cá quất dâng lên Thánh Tản để kỷ niệm ngày dân hai làng dùng chung bữa cơm cá với Sơn Tinh.

Làng Quy Mông (xã Phú Sơn, Ba Vì) có giếng nước Áng Tràm, tương truyền là do chiếc mộc của Thánh Tản tạo thành để giúp dân lấy nước chống hạn. Mười ba làng vùng cao quanh đấy nhớ ơn, hàng năm rước ngài về giếng để làm lễ cầu mưa thuận, gió hoà. Cúng tế xong, trở về đình làng tổ chức trò vui cướp bưởi. Đào một hố sâu nhỏ giữa sân đình. Trai tráng trong làng chia làm hai giáp. Tung quả

bưởi lên cao, bên nào cướp được quả bưởi và ném trúng vào hố là thắng.

Hội về Thánh Tản lớn hơn cả là hội Khê Thượng (nay thuộc xã Sơn Đà, huyện Ba Vì). Hội kéo dài nhiều ngày vào dịp tết Nguyên đán. Từ tối 30, làng đưa thuyền ra sông Đà mở hội rước quân Thánh Tản qua bến đò Bồ Đề về lễ tết đền Hùng, đất tổ. Tục lệ quy định phải chở ba lượt vì quân ngài đông lắm. Chiều mồng 2 tết, dân làng rước kiệu lên để bái vọng và đến đêm lại tấp nập chèo thuyền sang sông ba lượt đón quân về. Từ mồng 3 tết, sân đình liên tiếp có đấu vật. Mồng 7 tết, mở hội “chém may”. Dân làng cử ra một số trai làng có đức hạnh. Họ cởi trần, khố đỏ, khăn đỏ, tay phải múa thanh đao chém lấp lánh ánh thép. Theo nhịp trống, họ múa đao tiến lên chém đở hàng chuối dựng trước mặt. Đường đao đi ngọt, một nhát chém đứt ngang cây chuối là điều may, năm đó mưa thuận gió hoà, bởi vì Thủy Tinh sợ tài chém ngọt của quân Thánh Tản, không dám về dâng lũ lụt.

## HỘI ĐÈN QUẢNG CHIẾU

“Lễ Phật quanh năm không bằng rằm tháng giêng”. Đó là ngày Thượng nguyên, ngày trăng tròn đầu tiên của một năm mới, tết rằm tháng giêng.

Theo *An Nam chí lược*: đêm Nguyên tiêu, triều đình nhà Trần dựng cây đèn trên sân rộng, gọi là đèn *Quảng chiếu*, muôn ngọn đèn sáng rực trên trời dưới đất. Các vị sư

đi xung quanh đèn đọc kinh, các quan đứng vòng quanh đèn làm lễ, gọi là lễ “triều dâng”. *Đại Việt sử lược* cho biết hội đèn Quảng Chiếu đầu tiên mở vào năm 1110 đời Lý Nhân Tông. Tại kinh đô Lâm An nhà Tống, những ngày 14, 15, 16 tháng giêng cũng tổ chức hội đèn rất to.

Đèn Quảng chiếu là một loại đèn kéo quân, trong đêm hội đèn còn kết hợp đốt pháo bông, múa rối.

*Người thời Lý dự hội đèn Quảng Chiếu cầu sống lâu.* Năm 1116, ở phía ngoài cửa Nam thấy: “Dựng đài đèn Quảng chiếu, trước sân rộng của Đoan môn. Giữa trồng một cột nêu, ngoài đặt bảy tầng đài rồng cuốn mình đỡ toà sen vàng, khâu lồng bằng sa để giữ lửa hoa lan. Dấu máy cơ vi dưới đất quay như bánh xe, đốt pháo bông trên trời sáng như vầng nhật. Lại có tượng báu Nghiêm chương, toà bảo Kim điện do sáng ý mà trang sức nên, sắc vàng chói nhau lóng lánh, dáng thì tả vẻ thiêng, hình thì phô đẹp lạ. Lại có hai toà lầu hoa, treo quả chuông vàng tạc tượng nhà sư khoác áo cà sa, vịn máy kín khiến giờ vồ đánh như thực, nghe vồ chuông kêu thì nghiêm dáng ngoảnh mặt, trông thấy bóng vua liền quay mình cúi đầu, đều do mẹo mực sáng suốt, động tĩnh mềm mại, tự nhiên.

“Lại có bức vách cao long lanh thất bảo thành một hàng dài – trong Đoan môn có một ngọn núi vàng, đặt tượng đa bảo Như Lai, bảy mấy tầng kiệu pháp giá (kiệu vua) mái thêm rực ánh nắng sớm, màu ngói phơi vẻ mây xanh.

“Thứ nữa lại có hai toà bằng bạc, bên trái đặt tượng A-di-đà, bên phải đặt tượng Diệu sắc thân. Thế mạnh vươn cao, dáng đẹp tung bay – lung linh ngời tuyết chảy, xán lạn quá trắng thu.

“Thứ đến, lại có hai toà điều văn, bên trái đặt tượng Quảng bác thân, bên phải đặt tượng Li bố úy. Đã xây gác chót vót, lại dựng tầng chon von, mái lợp ngọc trắng, vách chạm mình rồng.

“Thứ nữa là hai toà bằng ngà voi, bên trái đặt tượng Cam Lộ Vương, bên phải đặt tượng Bảo Thắng Phật. Dưa mài đá trắng, chống gác hiên che sương. Gỗ phi, gỗ lạng chạm nạm ngọc, chỗ cách, chỗ trống dát sừng tê.

“Lại tinh chế đề ghi lời đẹp câu hay khắc vào bên toà sen, tinh thành trong trắng soi sáng về sau. Lại vẽ chín tầng trời bằng năm sắc, khắc bốn trụ hai hàng treo. Xung quanh thì thấp sáng nghìn đèn, ánh vàng lộng lẫy ngoài hai mặt. Có thể nói là chế độ tốt cổ kim, vượt cả công sinh thành của tạo hoá, thiên hạ hoà mục (đêm cũng như ngày, thế gian vui vẻ, già hoá trẻ ra...) (Trích văn bia chùa Đọi, 1121).

(Theo “Mùa xuân và phong tục Việt Nam”  
của Trần Quốc Vương – Lê Văn Hào – Dương Tất Từ)

## HỘI SÀI ĐỒNG

Làng Sài Đồng (huyện Gia Lâm) có tục hay là ngày mồng 4 tết mở hội khuyến khích nghề nông. Ngày hội được mở đầu bằng việc một lão nông mặc quần vàng, áo đỏ, khăn nhiễu, dắt một con trâu mộng to đẹp vào sân đình làm lễ thánh trong tiếng nhạc, tiếng trống vang lừng.

Sau đó một chàng lực điền mặc quần áo cánh điều theo kiểu nông dân có màu sắc, dùng con trâu đó cày một thửa ruộng trước cửa đình rồi đến một cô gái xinh xắn mặc đẹp, dẻo tay tung thóc, gieo mạ nhẹ nhàng khéo léo như múa. Dân làng reo vui mừng nghề nông thịnh vượng, sang năm mới chứa chan hy vọng được mùa, lắm khoai, nhiều lúa. Cuộc biểu diễn kết thúc, chàng lực điền cởi khăn rìu chít đầu, thì ra là một cô gái xinh đẹp duyên dáng; còn cô gái gieo mạ má hồng môi thắm kia tháo khăn mỏ quạ lại hoá ra một chàng trai. Dân làng tiếp tục những trò chơi dân gian thường thấy trong các ngày hội cho đến xế chiều mới tan.

## **HỘI ĐỒNG ĐA – HỘI QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH**

Đây là hội lễ lịch sử kỷ niệm trận chiến thắng ngoại xâm lớn nhất ở thủ đô thời phong kiến, tổ chức vào ngày mồng 5 tháng giêng âm lịch ngay tại vùng chiến địa cũ, nơi còn lại một cái gò chôn xác giặc: gò Đồng Đa. Ngày trước còn quen gọi là giỗ trận, vì ngày đó nhân dân ta cúng lễ tưởng nhớ những chiến sĩ đã hy sinh trong cuộc chiến đấu giải phóng Thăng Long và cũng là ngày cúng các vong hồn quân Thanh chết trận để chúng khỏi quấy rối cuộc sống dân lành.

Vào nửa sau thế kỷ 18, ở Bắc Hà, nội bộ chúa Trịnh lục đục, chính sự đổ nát, mấy ông vua cuối cùng của nhà

Hậu Lê cũng ươn hèn, bất lực, loạn kiêu binh nổ ra, càng làm cho tình hình chính trị rối loạn, lòng dân ly tán. Nguyễn Hữu Chỉnh (tức Cống Chỉnh) cậy có công đánh đuổi được họ Trịnh, sinh ra kiêu ngạo, lộng quyền làm nhiều điều xằng bậy, hiếp đáp cả vua Lê. Trước tình hình ấy, Nguyễn Huệ cử Vũ Văn Nhậm đem quân ra Thăng Long trừng trị Nguyễn Hữu Chỉnh, giúp Lê Chiêu Thống ổn định ngôi vua. Nhưng Lê Chiêu Thống vốn nhu nhược, bất tài, quần thần cũng không có ai đảm đương được việc lớn, bèn cùng mẹ và một số bày tôi chạy sang Tàu cầu cứu vua Mãn Thanh, tiếp tay cho âm mưu xâm lược của phong kiến phương Bắc.

Năm Mậu Thân (1788) mượn cơ cứu nhà Lê, vua Càn Long nhà Thanh thực hiện ý đồ thôn tính nước ta.

Càn Long sai Tôn Sĩ Nghị, tổng đốc Lương Quảng đốc xuất 20 vạn quân của bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu và Vân Nam hùng hổ kéo sang chiếm Thăng Long. Hướng vào Thăng Long, chúng tiến quân theo bốn ngã: đạo quân chủ lực do Tôn Sĩ Nghị thống lĩnh đi ngã Lạng Sơn, đạo thứ hai do Sâm Nghi Đống chỉ huy đi đường Cao Bằng, đạo thứ ba qua Tuyên Quang và đạo thứ tư theo đường Quảng Ninh.

Lúc bấy giờ, quân Tây Sơn ở Bắc Hà, dưới sự chỉ huy của Ngô Văn Sở, chỉ có khoảng vài vạn người. Trước tình hình địch đông gấp bội, lại đang hung hăng như cọp đói, Ngô Thì Nhậm đưa ra chủ trương bảo toàn chủ lực, rút lui toàn vẹn về án ngữ vùng núi Tam Điệp (Ninh Bình) chờ đợi quân của Nguyễn Huệ ra sẽ tổng công kích chiếm lại Thăng

Long. Ngô Văn Sở nghe theo kế ấy và rút quân.

Tôn Sĩ Nghị kéo quân suốt từ biên giới vào. Chiếm Thăng Long dễ dàng không tốn một mũi tên, y càng kiêu ngạo và coi thường quân ta. Y nói với vua tôi Lê Chiêu Thống rằng: Việc tiến quân tiêu diệt quân Tây Sơn ví như thò tay vào túi lấy đồ vật, lấy lúc nào nên lúc đó. Tôn Sĩ Nghị quyết định cho quân sĩ nghỉ ngơi ăn tết, sang giêng sẽ tiến quân đánh tiếp.

Tuy vậy, Nghị cũng bố trí lực lượng phòng ngự ở những nơi hiểm yếu. Quân chủ lực bảo vệ Nghị đóng doanh trại bên bờ sông Hồng, có cầu phao qua lại. Nhưng ở phía nam thành Thăng Long, Nghị lập ra một loạt đồn lũy. Cứ điểm then chốt Ngọc Hồi (nay thuộc huyện Thanh Trì) do phó tướng Hứa Thế Hanh chỉ huy. Phía tây nam Thăng Long do đạo quân của Sâm Nghi Đống đảm nhiệm đóng ở Khương Thượng (Đống Đa, Hà Nội). Một đạo quân Thanh của Ô Đại Kinh đóng ở Sơn Tây và một đạo nữa đóng ở Hải Dương.

Từ xưa, chưa có tên tướng xâm lược nào vào nước Nam lại dễ dàng như vào chỗ không người giống như Tôn Sĩ Nghị, nên sau khi bố trí binh lực phòng ngự, Nghị càng kiêu căng, phóng túng, mặc cho quân lính các đồn tự tiện bỏ đội ngũ lang thang ra ngoài trêu ghẹo cướp phá. Tôn Sĩ Nghị mãi mê rượu nồng, gái đẹp, các tướng sĩ chỉ chăm chơi bời ăn uống, chẳng ngó gì đến việc quân cơ.

Ngày 25 tháng 11 Mậu Thân (1788) đô đốc Nguyễn Văn Tuyết từ Tam Điệp mang tin cấp báo về đến Phú Xuân. Ngay hôm đó, Nguyễn Huệ, thể theo nguyện vọng của tướng sĩ, lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Quang Trung, rồi



thống lĩnh đại binh gồm 10 vạn người và 100 thớt voi tiến ra Bắc.

Ngày 20 tháng chạp, đại quân kéo tới Tam Điệp. Vua Quang Trung truyền cho tướng sĩ ăn tết Nguyên đán trước rồi tiến quân, hẹn ngày mồng 7 tháng giêng vào Thăng Long ăn tết hạ nêu.

Quang Trung chia quân làm năm đạo:

- Đạo quân chủ lực do Quang Trung trực tiếp chỉ huy, hai tướng Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân làm tiên phong, có nhiệm vụ đánh thẳng vào hệ thống phòng ngự chủ yếu của quân Thanh ở phía nam Thăng Long.

- Đạo quân thứ hai do đô đốc Bảo chỉ huy, tiến ra Đại Áng (nay thuộc huyện Thanh Trì) làm nhiệm vụ yểm hộ và phối hợp với quân chủ lực.

- Đạo quân thứ ba do đô đốc Long chỉ huy, có nhiệm vụ nhanh chóng tiêu diệt đồn Khương Thượng rồi đánh thẳng vào sườn phía tây thành Thăng Long.

- Đạo quân thứ tư do đô đốc Tuyết chỉ huy, vượt biển vào Lục Đầu Giang rồi đánh vào Hải Dương.

- Đạo quân thứ năm do đô đốc Lộc chỉ huy vượt biển qua Lục đầu Giang, tiến lên Bắc Giang, chặn đường rút lui của quân Thanh tại các hạt Lạng Giang, Yên Thế...

Đến đêm 30 tết Kỷ Dậu (1789) đạo tiền quân của Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân chỉ huy, bí mật vượt sông Gián Khẩu (Ninh Bình) tiêu diệt đồn tiền tiêu trên hệ thống phòng ngự của địch do quân của Lê Chiêu Thống đóng giữ. Khi tiến đến sông Thanh Quyết, quân Thanh đóng ở đây

cũng bỏ chạy nốt. Vua Quang Trung thúc quân đuổi theo, tới huyện Phú Xuyên bắt sống được hết không sót một tên, bởi vậy đạo quân Thanh đóng ở Hạ Hồi và Ngọc Hồi đều không hay biết gì cả.

Nửa đêm mùng ba tháng giêng Kỷ Dậu, vua Quang Trung tới Hạ Hồi, cho quân im lặng vây kín rồi bắc loa gọi hàng. Trong đồn, quân giặc khi ấy mới biết và chỉ còn cách xin hàng. Quân ta thu gọn toàn bộ lương thực, khí giới. Vua Quang Trung truyền lấy sáu chục tấm ván, ghép liền ba tấm làm một bức, được tất cả là hai chục bức, dùng rơm đập nước bện vào, rồi chọn những người khoẻ, giao cho mười người khiêng một bức, mỗi người mang theo một đoản đao, đi sau mỗi bức lại có hai chục người nữa cầm binh khí sẵn sàng chiến đấu. Toán quân này dàn hàng ngang tiến thẳng lên trước, vua Quang Trung cưỡi voi đốc thúc, mờ sáng hôm mùng 5 xông thẳng vào đồn Ngọc Hồi. Quân Thanh bắn hỏa pháo ra. Quân ta có ván bện rơm che chở nên không ai bị tổn thương gì, xông vào dùng đoản đao đánh giáp lá cà.

Quân giặc không thể địch nổi, hàng ngũ rối loạn, giày xéo lên nhau chạy dồn về phía Đầm Mực (nay thuộc xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì). Tại đây, chúng vấp phải đạo quân của đô đốc Bảo đón đánh giết hàng vạn tên. Trong khi đó cánh quân của đô đốc Long bất ngờ bao vây tiêu diệt đồn Khương Thượng (Đống Đa). Tên tướng giặc Sâm Nghi Đống phải thắt cổ tự tử ở núi Loa, xác quân Thanh chết ngổn ngang khắp chiến trường.

Đến lúc này thì tin tức trận địa cũng về đến đại bản doanh của Tôn Sĩ Nghị. Đêm hôm ấy, Nghị đang lo lắng

theo dõi mặt trận phía nam thì khoảng canh tư, tin tức cấp báo như sét đánh ngang tai: đồn Khương Thượng bị tiêu diệt và nguy khốn hơn nữa là cánh quân của đô đốc Long đang đánh thốc vào doanh trại của hấn. Luống cuống hoảng hốt, Tôn Sĩ Nghị áo giáp không kịp mặc, yên ngựa không kịp đóng, vội vàng cùng toán kỵ binh hầu cận chạy ra bờ sông, vượt cầu phao chạy tháo thân lên phía bắc. Quân Thanh tan vỡ, chen lấn, dồn nhau trên cầu phao. Cầu gãy. Dòng sông Hồng trở thành mồ chôn hàng vạn quân giặc.

Đạo quân của đô đốc Long tiến vào giải phóng Thăng Long sáng sớm ngày mồng 5 tháng giêng Kỷ Dậu. Khoảng gần trưa hôm đó, vua Quang Trung và đạo quân chủ lực tiến vào Thăng Long (sớm hơn dự kiến 2 ngày) giữa sự hân hoan của nhân dân đổ ra đường đông như hội đón quân ta.

### ***Ngày hội:***

Nhà Nguyễn thắng thế, đã trả thù phong trào Tây Sơn và các lãnh tụ Tây Sơn một cách hèn hạ, và tìm mọi cách huỷ diệt các di tích về Tây Sơn. Thời phong kiến đế quốc, hội Đống Đa vì thế không thể công khai thể hiện đầy đủ ý nghĩa kỷ niệm một chiến công hiển hách của dân tộc. Thời bấy giờ, phạm vi tổ chức hội cũng chỉ do dân làng Đồng Quang chủ trì và gọi là giỗ trận để che mắt nhà Nguyễn. Ngày hội mở ra ngày mồng 5 Tết, và có các trò vui: cờ bỏi, múa hát, đánh vật... để dân làng vui chơi dịp xuân mới. Nhưng chủ yếu là tại chùa Đồng Quang có tụng kinh cầu nguyện cho các liệt sĩ đã hy sinh vì nước. Ngày xưa, nhà chùa có lập đàn chay tụng niệm để dân làng và khách thập phương tới tưởng niệm chiến sĩ ta và giúp tiền, giúp gạo để nhà chùa mua vàng hương, sắm đồ lễ cúng cháo thí cho

vong hồn quân tướng nhà Thanh chết trận, thể hiện lòng nhân đạo cao cả của nhân dân ta.

Tuy vậy, không phải chỉ có cúng lễ mà làng Đồng Quang xưa có hình thức *rước rồng lửa*. Rồng bện bằng rơm tẩm dầu, nhắc lại trận phối hợp của 9 làng quanh đó bao vây để quân Tây Sơn tiêu diệt địch, giải phóng Thăng Long.

Cứ đến ngày mồng 5 tết Nguyên đán, nhân dân Hà Nội lại hướng về Đống Đa với niềm tự hào về một chiến công oanh liệt của dân tộc.

Từ sau khi Thủ đô hoàn toàn giải phóng mồng 10 tháng 10 năm 1954, hội Đống Đa mới thực sự là một hội lễ kỷ niệm chiến thắng, những việc cầu cúng, đốt vàng mã có tính chất mê tín dị đoan được xoá bỏ, những hình thức văn hóa văn nghệ dân tộc và thượng võ được nghiên cứu và bổ sung ngày càng phong phú.

Mùa xuân năm Giáp Tý (1984) vừa qua, phát huy ý niệm đã hình thành trong nhân dân, kỷ niệm chiến thắng đại phá quân Thanh được tổ chức thành ngày hội Đống Đa truyền thống. Sau lễ kỷ niệm là cả một ngày hội quần chúng với những tiết mục vui chơi như đánh vật, mang tính giải trí dân gian như chọi gà, thả chim câu, chọi chim hoạ mi; mang tích trò diễn lịch sử như rước rồng lửa... kết hợp với sa bàn điện về chiến thắng Ngọc Hồi, biểu diễn văn nghệ, thể thao và những trò chơi hiện đại mang nội dung ôn lại lịch sử.

## MỤC LỤC

### PHẦN MỘT – CẢNH ĐẸP NGÀN XƯA

1- Một chén giữa lòng đất nổi	7
2- Mặt gương Tây Hồ	20
3- Dọc sông Tô	56
4- Vùng đất xứ Đoài	70
5- Theo dấu chân những người anh hùng	78
6- Vết tích những thành cổ	88
7- Vẻ đẹp sao Khuê	100
8- Ngàn xưa cổ kính	104

### PHẦN HAI – LỄ HỘI DÂN GIAN

1- Hội Gióng	121
2- Hội đèn An Dương Vương	142
3- Hội đèn Hai Bà Trưng	149
4- Hội về Thánh Tản Viên	174
5- Hội đèn Quảng Chiếu	178
6- Hội Sài Đồng	180
7- Hội Đống Đa – Hội Quang Trung đại phá quân Thanh	181

**NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI**

*4 Tổng Duy Tân - ĐT: 8257063 - 8286766 - 8252916*

*E-mail: nhaxuatbanhanoi@hn.vnn.vn*

---

**DẤU TÍCH  
KINH THÀNH**

**Giang Quân - Phan Tất Liêm**

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

**NGUYỄN KHẮC OÁNH**

*Biên tập: Trương Đức Hùng*

*Vẽ bìa: Nguyễn Trọng Kiên*

*Sửa bản in: Đức Hùng*

---

In 1.000 cuốn khổ 13 X 19cm. Tại Công ty cổ phần in - vật tư  
Ba Đình Thanh Hóa. Giấy phép xuất bản số: 05XH/1120 CXB  
In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2004



# Dấu tích KINH THÀNH



dấu tích kinh thành (xb)



004081

200112

20.000 VNĐ